Sơ Lược Lịch Sử Việt Nam

Tên gọi nước Việt theo Thời gian

2879–2524 BC	Xích Quỷ
2524–258 BC	Văn Lang
257–207 BC	Âu Lạc
207–111 BC	Nam Việt
111 BC–39 AD	Giao Chỉ
40–43	Lĩnh Nam
43–299	Giao Chỉ
299–544	Giao Châu
544–602	Vạn Xuân
602–679	Giao Châu
679–757	An Nam
757–766	Trấn Nam
766–866	An Nam
866–967	Tĩnh Hải quân
968–1054	Đại Cồ Việt
1054–1400	Đại Việt
1400–1407	Đại Ngu
1407–1427	Giao Chỉ
1428–1804	Đại Việt
1804–1839	Việt Nam
1839–1887	Đại Nam
1887–1945	Đại Nam (Đông Dương)
Từ 1945	Việt Nam

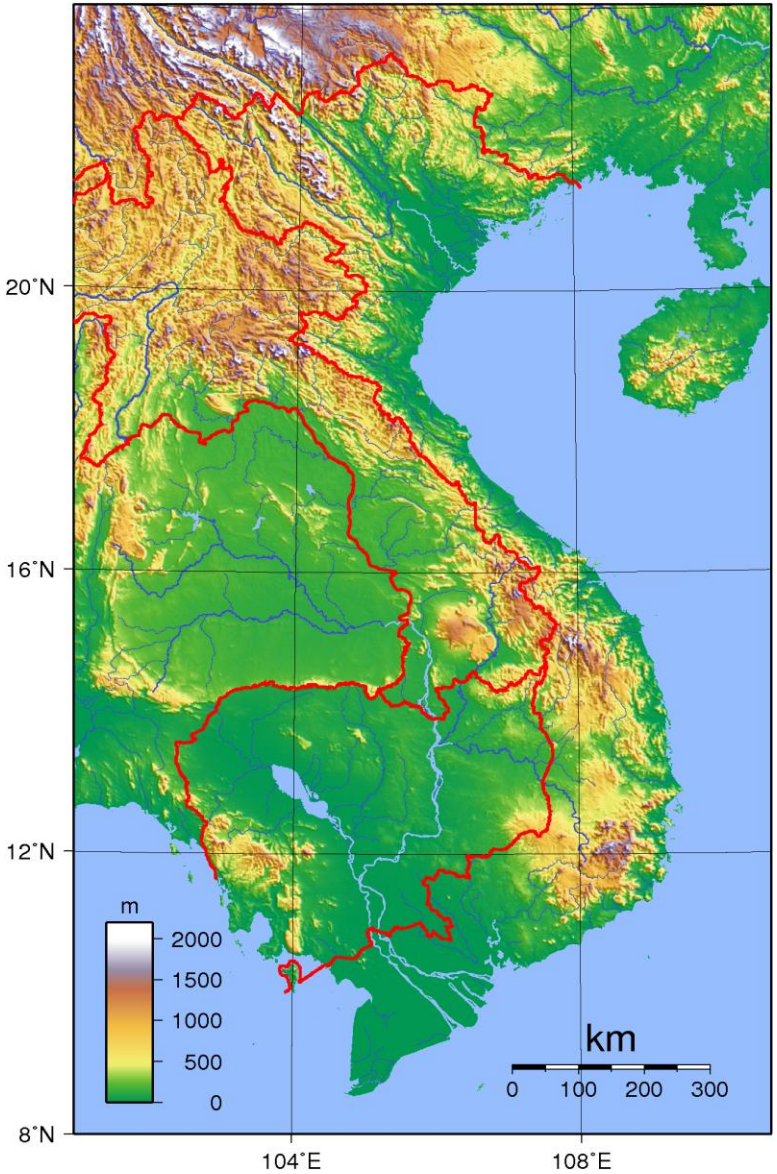

Tiền sử - Thời đại Đồ Đá

- Thời đại Đồ Đá Cũ
  - Khoảng 2-3 triệu năm trước
  - Người khéo tay (Homo habilis): Biết sử dụng các công cụ bằng đá được ghè đẽo thô sơ
- Thời đại Đồ Đá Mới:
  - Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình,Lang Sơn, Thái Nguyên
  - Văn hóa Hòa Bình
    - 15000-12000 năm trước Công Nguyên (B.C.)
    - Di chỉ khảo cổ: trên vùng đất xen núi đá vôi phía Tây châu thổ sông Hồng
    - Tiêu biểu cho cả vùng Đông Nam Á và Nam Trung Hoa
  - Văn hóa Bắc Sơn
    - 12000-7000 năm trước Công Nguyên (B.C.)
    - Biết mài đá (rìu Bắc Sơn), kỹ thuật làm đồ gốm
  - Biết chăn nuôi và trồng lúa nước

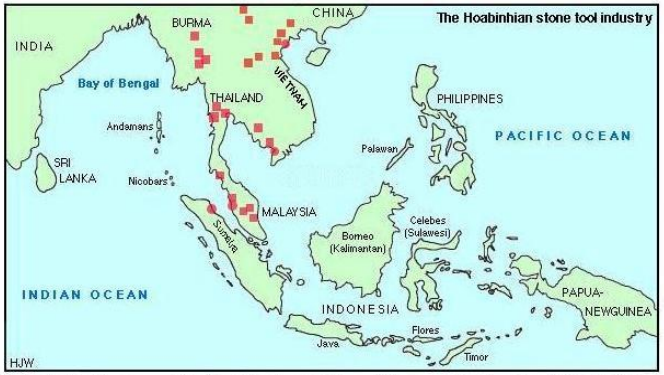

Phân bố công cụ đồ đá có cùng đặc điểm với văn hoá Hoà Bình

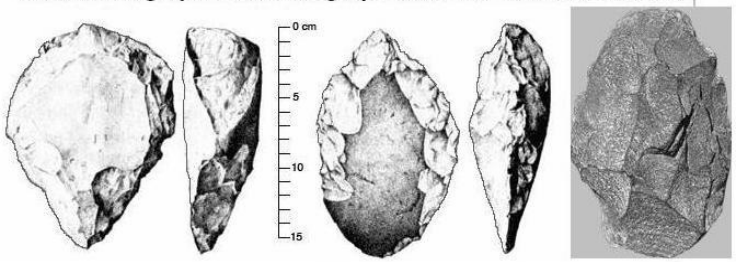

rìu Bắc Sơn

Tiền sử - Thời đại Đồ Đồng Sắt

- Thời đại Đồ Đồng Đá
  - 6000-1500 năm trước Công Nguyên (B.C.)
  - Văn hóa Phùng Nguyên (huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ)
    - Cách đây chừng 4000 năm đến 3500 năm.
    - Đồ trang sức bằng các loại đá
    - Chế tạo đồ gốm đặc sắc có hoa văn trang trí
- Thời đại Đồ Đồng Sắt
  - Văn hoá Đồng Đậu (huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc)
    - Cách nay khoảng 3500 - 3000 năm
    - Nông nghiệp phát triển: trồng lúa và các cây hoa màu
    - Nghề đúc đồng luyện kim: các mảnh khuôn đúc (bằng đá)
  - Văn hóa Gò Mun (huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ)
    - Cách nay khoảng 3000 - 2500 năm
    - Chế tạo công cụ và vũ khí đồng thau:
      - Mũi tên, mũi nhọn, dao, giáo
      - Lưỡi câu, kim, giũa, dùi, đục, rìu lưỡi xéo
  - Văn hóa Đông Sơn (Thanh Hóa)
    - Cách đây chừng 3000 – 2000 năm
    - Văn hóa lúa nước phát triển, thực phẩm dồi dào và có dự trữ dẫn đến sự phân cấp xã hội người Việt cổ.
    - Kỹ thuật đúc đồng: các trống đồng Đông Sơn
    - Kỹ thuật về quân sự: thành Cổ Loa (thành, mũi tên đồng và nỏ)
    - Sự tổ chức cộng đồng hoàn chỉnh theo phương thức xã thôn tự trị

Các vật dụng và vũ khí thời kỳ đá muộn - cổ vật Phùng Nguyên

trống đồng Đông Sơn

Văn minh Bách Việt

Khoảng 4800 năm trước các tộc người Việt cổ (Bách Việt) lập quốc đầu tiên ở miền Lĩnh Nam, bao gồm một vùng rộng lớn phía nam sông Trường Giang của Trung Hoa hiện nay đến vùng đồng bằng sông Hồng, sông Mã ở miền bắc Việt Nam.

Vương quốc của các tộcViệt cổ (Xích Quỷ)

- Xích Quỷ là một liên bang lỏng lẻo giữa các nhóm tộc Việt khác nhau như Điền Việt ở Vân Nam, Dạ Lang ở Quý Châu, Mân Việt ở Phúc Kiến, Đông Việt ở Triết Giang, Sơn Việt ở Giang Tây, Nam Việt ở Quảng Đông, Âu Việt (Tây Âu) ở Quảng Tây, Lạc Việt ở miền bắc Việt Nam
- Đến thời Xuân Thu-Chiến Quốc (thế kỷ 8 TCN đến thế kỷ 3 TCN) do các sức ép từ các vương quốc Sở, Tần ở miền bắc Trung Quốc và làn sóng người Hoa Hạ chạy tỵ nạn chiến tranh từ miền Bắc xuống nên dần dần các tộc người Việt cổ bị mất lãnh thổ, một số bộ tộc Việt bị đồng hóa vào người Hoa Hạ.

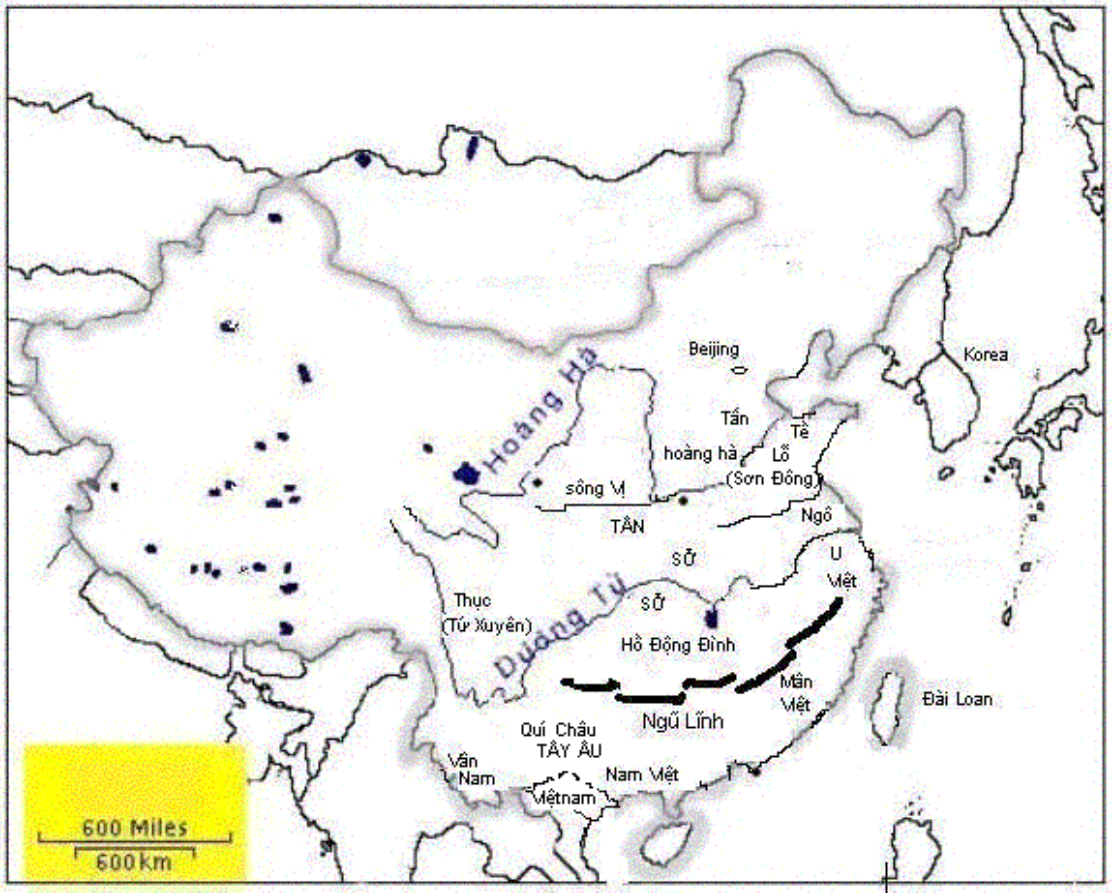

Thời Hồng Bàng - nước Văn Lang

- Đầu thời kỳ đồ đồng, cách đây chừng 4000 năm, có khoảng 15 nhóm Lạc Việt khác nhau sống trên vùng núi miền Bắc và miền châu thổ sông Hồng và hơn 12 nhóm Âu Việt sống ở vùng Đông Bắc. Để tiện việc trao đổi buôn bán, phòng chống lụt lội, chống lại kẻ thù... những bộ lạc Lạc Việt dần dần được gom lại thành một nước lấy tên Văn Lang và người đứng đầu tự xưng là Hùng Vương. Nước Văn Lang do các vua Hùng cai trị, đóng đô ở Phong Châu (thuộc Phú Thọ ngày nay).

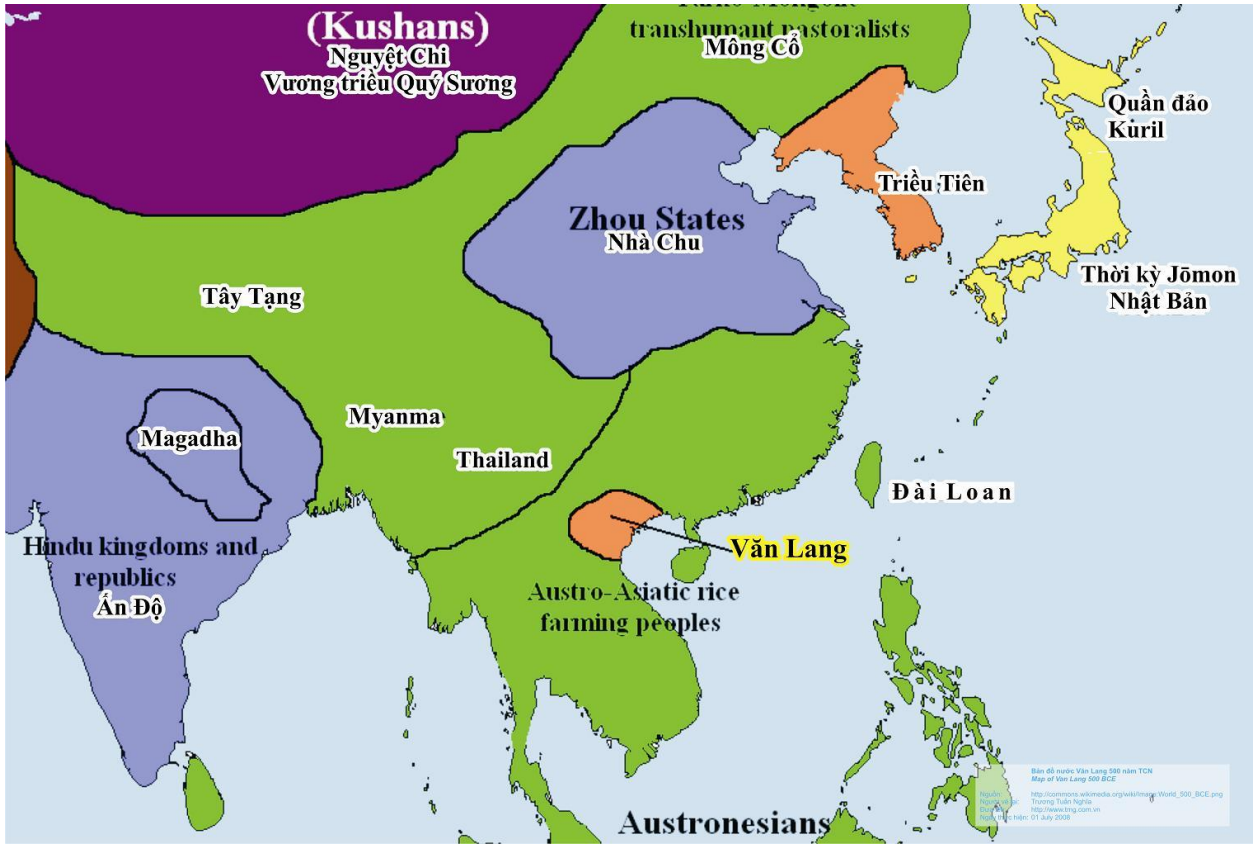

Nước Văn Lang - Hành chính

- Nước Văn Lang có 15 bộ, còn gọi là quận. Theo "Đại Việt Sử Ký Toàn Thư" nước Văn Lang gồm: Việt Thường, Giao Chỉ, Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Ninh Hải, Dương Tuyền, Lục Hải, Hoài Hoan, Cửu Chân, Bình Văn, Vũ Định, Văn Lang, Tân Hưng, Cửu Đức

- Hùng Vương là tù trưởng bộ lạc Văn Lang, bộ lạc mạnh nhất trong cộng đồng người Lạc Việt. Hùng Vương lấy quốc hiệu là Văn Lang.

- Các bộ tộc khác vẫn có tộc trưởng riêng và phục tùng Hùng Vương bằng chế độ tiến cống và chỉ chịu sự chỉ huy khi có việc lớn. Lạc tướng và Lạc hầu là tộc trưởng của bộ lạc mình, giúp Hùng Vương khi có việc.

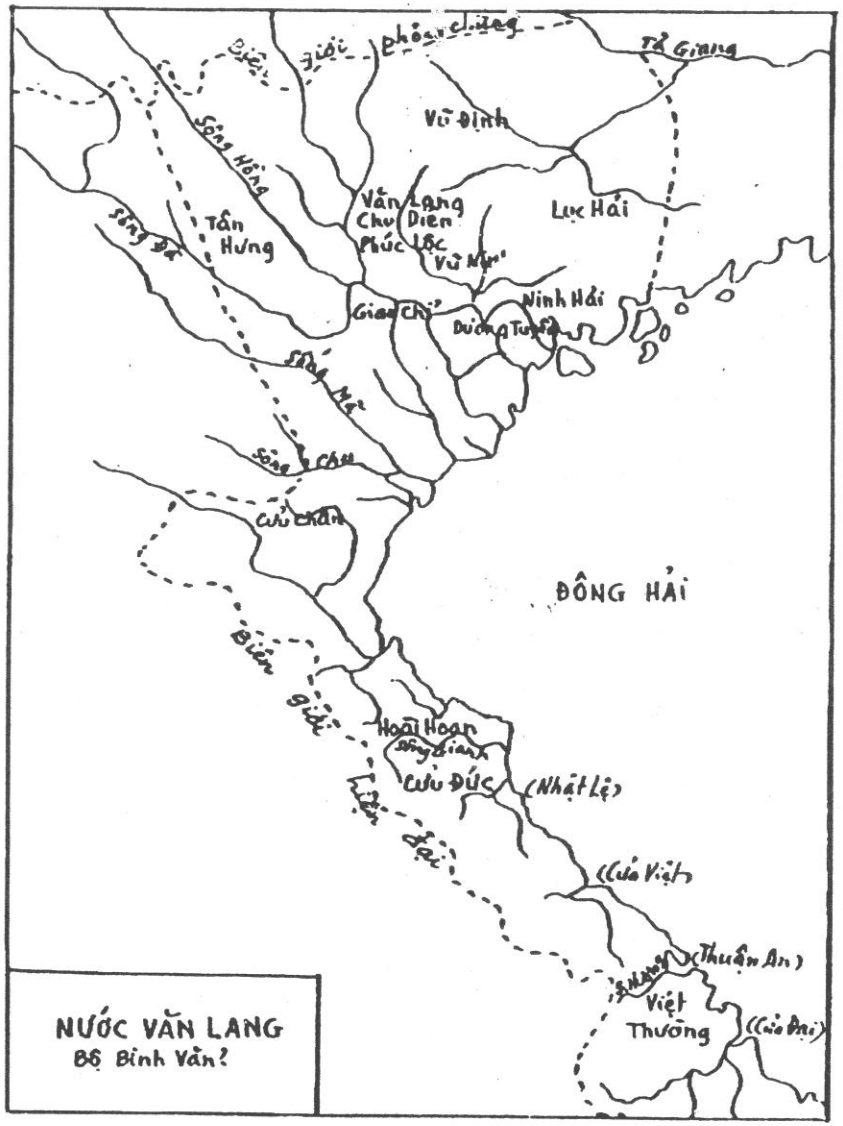

2. NƯỚC VĂN LANG (THEO TÀI LIỆU ĐDA)

Nước Âu Lạc (208 TCN – 179 TCN)

- Cùng tồn tại ở vùng Bắc Bộ Việt Nam vào thời kỳ Hồng Bàng, có các bộ tộc Âu Việt sống xen kẽ với người Lạc Việt. Hai bộ lạc này từ lâu đã có quan hệ gần gũi với nhau.

- Vào cuối thời Hồng Bàng, vua Hùng Vương thứ 18 không lo đến đời sống của nhân dân nữa. Trong khi đó, quân Tần đã nhắm đến đất nước Việt từ trước. Lợi dụng thời cơ này, năm 218 trước Công Nguyên (TCN), Tần Thủy Hoàng cho quân xuống đánh xuống để mở rộng bờ cõi.

- Cuộc chiến tranh bùng nổ. Dù thủ lĩnh Âu Việt bị giết nhưng nhân dân Âu Việt-Lạc Việt vẫn không chịu đầu hàng. Rồi họ quyết định bầu Thục Phán lên làm tướng. Năm 208 TCN, Thục Phán đứng đầu cả 2 bộ lạc Tây Âu và Lạc Việt, đuổi được quân nhà Tần .

- Sau khi đuổi được quân nhà Tần, nhân đó, năm 207 TCN Thục Phán buộc vua Hùng Vương nhường ngôi. Hai vùng đất của người Tây Âu và Lạc Việt sinh sống được hợp nhất thành nước Âu Lạc. Thục Phán tự xưng là An Dương Vương, đóng đô tại Phong Khê (nay là vùng Cổ Loa, huyện Đông Anh-Hà Nội).

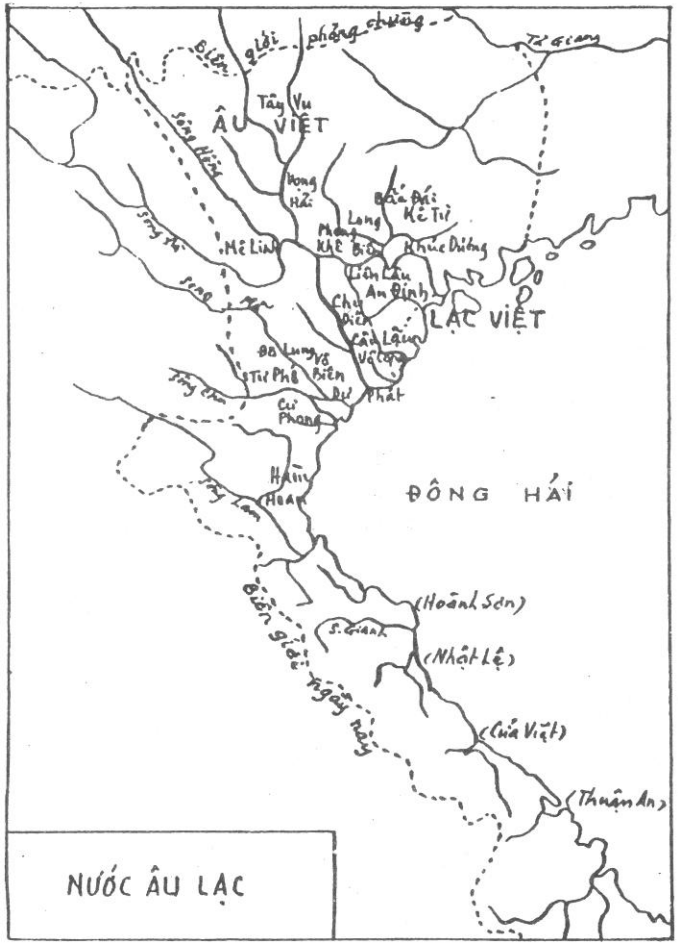

3. NƯỚC ÂU LẠC (THEO TÀI LIỆU ĐDA)

An Dương Vương - thành Cổ Loa

- Sau chiến thắng quân Tần, An Dương Vương quyết định giao cho tướng Cao Lỗ (Cao Thông) xây thành Cổ Loa nhằm củng cố thêm khả năng phòng thủ quân sự. An Dương Vương cũng phát triển thuỷ binh và cho chế tạo nhiều vũ khí lợi hại, tạo lợi thế quân sự vững chắc cho Cổ Loa. Đặc biệt, Cao Lỗ giúp An Dương Vương chế ra cái nỏ có thể bắn ra nhiều đầu tên cùng một lúc (nỏ thần).
- Ít lâu sau, Triệu Đà từ quận Nam Hải (Quảng Đông bây giờ) sang đánh Âu Lạc. Nhờ vào chuẩn bị quân sự kỹ càng cùng với "nỏ thần", An Dương Vương đã đánh đuổi được quân Triệu Đà dễ dàng.
- Triệu Đà biết An Dương Vương có nỏ thần, không thể địch nổi, bèn sai sứ đến giảng hòa, dùng kế nội gián bằng cuộc kết hôn giữa con trai mình, Trọng Thủy, và con gái An Dương Vương là Mỵ Châu.
- Trọng Thủy, sau khi dùng Mỵ Châu để nắm được bí mật quân sự của An Dương, ly gián An Dương Vương và Cao Lỗ và phá hoại vũ khí (nỏ thần) của nước Âu Lạc, đã giả vờ về Nam Hải thăm cha mẹ.
- Sau đó Triệu Đà đem quân sang đánh Âu Lạc. An Dương Vương vì quá tự tin, thiếu phòng bị nên bị thua phải bỏ chạy cùng với con gái. Khi đến đường cùng và biết được con mình rắc lông ngỗng cho Trọng Thủy đuổi theo, An Dương Vương cuối cùng hiểu được âm mưu của Triệu Đà liền giết chết con gái và tự tử.

Di tích của thành Cổ Loa vẫn còn lưu lại cho đến nay, cách trung tâm Hà Nội khoảng 20 km về phía đông bắc. Đền thờ An Dương Vương nằm ở trung tâm di tích này.
Tục truyền rằng thành xây nhiều lần nhưng đều đổ. Sau có thần Kim Quy hiện lên, bò quanh bò lại nhiều vòng dưới chân thành. Thục An Dương Vương bèn cho xây theo dấu chân Rùa vàng. Từ đó, thành xây không đổ nữa.

Nước Nam Việt - Triệu Đà

- Sau khi Tần Thuỷ Hoàng chết (210 TCN), Triệu Đà Ly khai nhà Tần, cai trị quận Nam Hải, lập thành nước Nam Việt (203 TCN). Kinh đô của Nam Việt là thành Phiên Ngung. Sau khi đánh chiếm được nước Âu Lạc, Triệu Đà sát nhập nước Âu Lạc vào nước Nam Việt
- Triệu Đà, tên hiệu là Triệu Vũ vương, Triệu Vũ Đế, Nam Việt Vũ Vương, Nam Việt Vũ Đế, cai trị nước Nam Việt 67 năm và thực hành chính sách “hòa tập Bách Việt" nhằm đồng hóa dân Trung Nguyên và Lĩnh Nam.

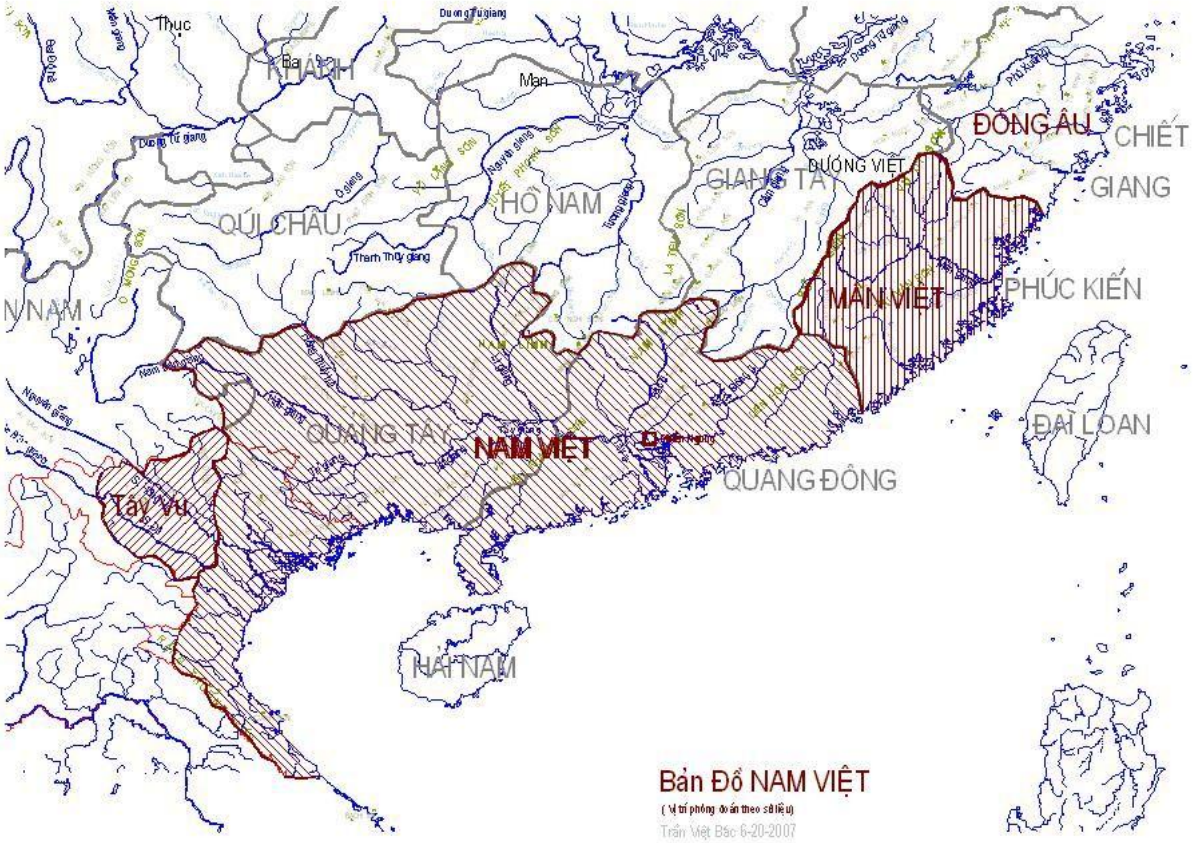

Nước Nam Việt – Thời Suy Vong

- Năm 137 TCN, Triệu Hồ (Triệu Muội, Triệu Mạt), con của Triệu Trọng Thủy, cháu nội của Triệu Đà, lên ngôi lấy hiệu là Triệu Văn Vương. Năm 135 TCN, Triệu Văn Vương cầu xin Hán Vũ Đế (Lưu Triệt) gửi quân đến giúp Nam Việt chống lại nước láng giềng Mân Việt. Sau đó Triệu Văn Vương phái con trai của mình là Triệu Anh Tề đến Trường An làm con tin của Hán Vũ Đế. Trước khi được phái đến Trường An, Triệu Anh Tề đã kết hôn với một phụ nữ người Việt và có một con trai là Triệu Kiến Đức. Trong khoảng thời gian Triệu Anh Tề sống ở Trường An, ông cưới vợ người Hán và có một con trai tên là Triệu Hưng.
- Triệu Văn Vương bệnh nặng, Triệu Anh Tề được trở về Nam Việt. Sau khi Triệu Mạt chết, Triệu Anh Tề lên ngôi vua Nam Việt (Triệu Minh Vương 125 TCN). Triệu Anh Tề xin Hán Vũ Đế để lập người vợ Hán làm hoàng hậu và Triệu Hưng thành hoàng tử, một hành động đã mang đến thảm họa cho Nam Việt. Triệu Anh Tề, mang tiếng là một bạo chúa vì đã giết nhiều thường dân, chết khoảng năm 113 TCN.
- Triệu Hưng (Triệu Ai vương) lên ngôi khi mới 5 tuổi. Cù thái hậu, mẹ Triệu Hưng, làm nhiếp chính. Hán Vũ Đế sai sứ giả An Quốc Thiếu Quý, vốn là tình nhân cũ của Cù thái hậu, sang thuyết phục Nam Việt quy phục nhà Hán. Cù thái hậu cùng Thiếu Quý tư thông và muốn thuận theo nhà Hán, nhưng thừa tướng người Việt là Lữ Gia phản đối. Hán Vũ Đế sai Hàn Thiên Thu và Cù Lạc, em Cù thái hậu, đem 2000 quân tiến vào đất Nam Việt.
- Năm 112 TCN, Lữ Gia mang quân đánh vào cung, giết chết Cù thái hậu, Triệu Hưng và An Quốc Thiếu Quý, lập anh Triệu Hưng là Triệu Kiến Đức lên ngôi, tức là Triệu Thuật Dương vương. Sau đó Lữ Gia mang quân chặn đánh quân Hán, giết chết Hàn Thiên Thu
- Hán Vũ Đế được tin Thiên Thu bị giết, sai Lộ Bác Đức và Dương Bộc đem binh đánh nước Nam Việt. Vua tôi nhà Triệu ra sức chống cự, nhưng không được, vì thế quân Hán mạnh. Cuối cùng, Triệu Thuật Dương vương và Lữ Gia mang vài trăm người bỏ trốn ra biển. Lộ Bác Đức hỏi những người đầu hàng, biết chỗ ở của Triệu vương và Lữ Gia, bèn sai người đuổi theo. Triệu Kiến Đức và Lữ Gia bị bắt và giết chết. Từ đó nhà Triệu và nước Nam Việt mất (111 TCN).

Hai Bà Trưng

Hai Bà Trưng khởi nghĩa

- Năm 111 TCN, nhà Hán diệt nhà Triệu, chiếm được Nam Việt và chia làm chín quận là Nam Hải, Hợp Phố (Quảng Đông), Thương Ngô, Uất Lâm (Quảng Tây), Chu Nhai, Đạm Nhĩ (đảo Hải Nam), Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam (Âu Lạc cũ). Riêng đối với quận Nhật Nam, khi Lộ Bác Đức đánh bại nhà Triệu-Nam Việt, lãnh thổ Nam Việt chưa bao gồm quận Nhật Nam (từ Quảng Bình tới Bình Định). Quận Nhật Nam chỉ hình thành sau khi các quan cai trị Giao Chỉ người Hán tiến xuống thu phục các bộ tộc phía Nam dãy Hoành Sơn.
- Năm 39, thái thú Giao Chỉ là Tô Định tàn ác. Các Lạc tướng Mê Linh và Chu Diên có ý chống lại sự cai trị tàn bạo của Thái thú Tô Định. Tô Định bèn bắt giết Thi Sách, chồng của Trưng Trắc, để trấn áp tinh thần người Việt.
- Năm 40, để đền nợ nước trả thù nhà, Trưng Trắc cùng với em gái là Trưng Nhị dấy binh khởi nghĩa, đánh hãm trị sở ở Luy Lâu (thuộc huyện Thuận Thành, Bắc Ninh ngày nay).
- Tô Định liền bỏ chạy về phương Bắc. Các quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng. Hai bà lấy được 65 thành ở Lĩnh Nam. Trưng Trắc tự lập làm vua, xưng là Trưng Nữ Vương (hay Trưng Vương), lập tên nước là Lĩnh Nam, chọn Mê Linh làm kinh đô, tách ra khỏi lãnh thổ nhà Đông Hán.

Hai Bà Trưng
Chiến tranh Hán-Việt, 42-43

- Năm 42, nhà Hán hạ lệnh sắp sẵn xe thuyền, sửa sang cầu đường, thông các khe núi, chứa thóc lương, cho Mã Viện làm Phục Ba tướng quân, Phù Lạc hầu Lưu Long làm phó sang xâm lược. Tổng cộng quân Hán có 2 vạn người cùng 2000 thuyền xe. Đội quân này gồm toàn người Hoa Nam, quen thuộc thủy thổ phương Nam, lại có sự chỉ huy của Mã Viện, viên tướng giàu kinh nghiệm chiến trận.
- Quân Mã Viện chia thành 2 đạo thủy bộ dự tính hội quân ở Hợp Phố để tiến đánh. Tuy nhiên khi đến Hợp Phố thì Đoàn Chí chết vì bệnh nên Mã Viện thống suất toàn quân tiến theo ven biển, ngược sông Bạch Đằng tới sông Lục Đầu rồi vào đất Giao Chỉ, đi thẳng tới Lãng Bạc.
- Quân Hán tiến đến Long Biên, Tây Vu và Lãng Bạc ở phía đông Cổ Loa. Hai Bà Trưng từ Mê Linh qua Cổ Loa xuống Lãng Bạc đón đánh quân Hán. Tại đây, hai bên đã giao chiến dữ dội. Quân Hán không hợp thủy thổ phương Nam, nhiều người bị chết, trong đó có Bình Lục hầu Hàn Vũ.
- Giao chiến lâu ngày, quân Hai Bà Trưng thiếu trang bị và kinh nghiệm, không địch nổi đạo quân thiện chiến của Mã Viện. Tháng 3 âm lịch tức tháng 4 năm 43, quân Việt thua, Hai Bà Trưng đều tử trận.
- Mã Viện đuổi theo đánh quân còn sót lại huyện Cư Phong thì tàn quân đầu hàng, Mã Viện bèn dựng cột đồng (tương truyền ở trên động Cổ Lâu châu Khâm) làm giới hạn cuối cùng của nhà Hán, và khắc lên đó dòng chữ thề: "Cột đồng gãy thì Giao Chỉ diệt" (Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt). Từ đây, nước Việt lại thuộc quyền kiểm soát của nhà Hán.
- Người dân đã dựng đền thờ Trưng Nữ Vương ở xã Hát Giang, huyện Phúc Lộc (nay ở Hát Môn, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây). Ngoài ra, tại tỉnh Hồ Nam (Trung Hoa) hiện nay vẫn còn miếu thờ Trưng Vương và ở đất cũ thành Phiên Ngung cũng có miếu thờ Vua Bà.

Bà Triệu – 226 - 248

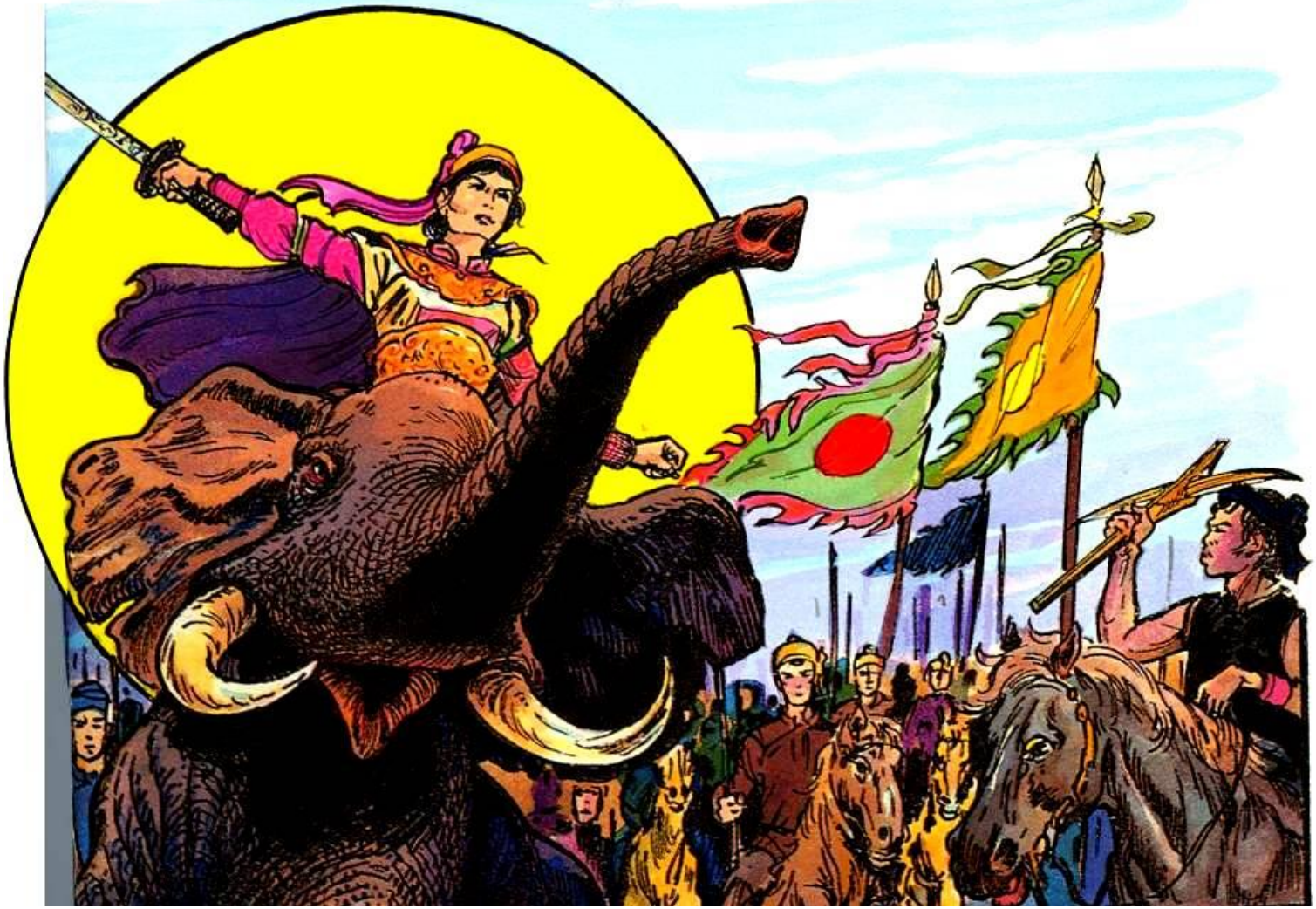

Tôi chỉ muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ không chịu khom lưng làm tì thiếp cho người!

Bà Triệu khởi nghĩa - 248

- Cuối thế kỷ 2, nhà Đông Hán suy yếu, chiến tranh quân phiệt bùng nổ. Năm 208, ở Trung Hoa bắt đầu thời Tam Quốc. Vùng đất Việt bị nhà Ngô đô hộ.
- Bà Triệu sinh năm 226 tại miền núi Quân Yên (hay Quan Yên), quận Cửu Chân (tỉnh Thanh Hóa). Thủa nhỏ cha mẹ đều mất sớm, Bà Triệu ở với anh là Triệu Quốc Đạt, một hào trưởng ở Quan Yên.
- Lớn lên, bà là người có sức mạnh, giỏi võ nghệ, lại có chí lớn. Năm 246, biết sự chuẩn bị khởi nghĩa của Bà Triệu, người chị dâu (vợ ông Đạt) toan đi tố cáo với quân Ngô. Bà Triệu giết chết người chị dâu rồi vào ở trong núi Nưa (nay thuộc xã Tân Ninh huyện Triệu Sơn, Thanh Hoá), chiêu mộ được hơn ngàn tráng sĩ.
- Năm 248, thấy quan lại nhà Đông Ngô cai trị tàn ác, dân tình khổ sở, Bà Triệu bèn bàn với anh việc khởi binh chống lại. Lúc đầu, anh bà không tán thành nhưng sau chịu nghe theo ý kiến của em.
- Từ hai căn cứ núi vùng Nưa và Yên Định, hai anh em bà dẫn quân đánh chiếm quận lỵ Tư Phố nằm ở vị trí hữu ngạn sông Mã. Đây là căn cứ quân sự lớn của quan quân nhà Đông Ngô trên đất Cửu Chân, đứng đầu là Tiết Kính Hàn. Thừa thắng, lực lượng nghĩa quân chuyển hướng xuống hoạt động ở vùng đồng bằng con sông này. Đang lúc ấy, Triệu Quốc Đạt qua đời. Các nghĩa binh thấy bà có can đảm, bèn tôn lên làm chủ tướng. Khi ra trận, Bà Triệu mặc áo giáp vàng, đi guốc ngà, cài trâm vàng, cưỡi voi và được tôn là Nhụy Kiều tướng quân.
- Được tin cuộc khởi nghĩa lan nhanh, vua Ngô là Tôn Quyền liền phái tướng Lục Dận đem theo 8.000 quân sang đàn áp cuộc khởi nghĩa. Đến nơi, Lục Dận một mặt dùng tiền của đút lót mua chuộc những kẻ dao động, một mặt dụ dỗ Bà Triệu ra hàng, hứa sẽ phong làm Lệ Hải Bà Vương.
- Bà Triệu không ra hàng. Những trận đánh ác liệt đã diễn ra tại căn cứ Bồ Điền. Song do chênh lệch về lực lượng và không có sự hỗ trợ của các nơi khác nên căn cứ Bồ Điền bị bao vây cô lập, và chỉ đứng vững được trong hơn hai tháng. Bà Triệu chống đỡ với quân Đông Ngô được năm sáu tháng thì thua.
- Bà Triệu đã tuẫn tiết trên núi Tùng (xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa) lúc mới 22 tuổi.

Nhà Tiền Lý – 544 - 602

Nước Vạn Xuân - Lý Nam Đế

- Lý Bí (503-548) là người Thái Bình, phủ Long Hưng (Sơn Tây). Ông là người có công đánh đuổi quân đô hộ nhà Lương (thời Nam Bắc triều), sáng lập ra nhà Tiền Lý.
- Tổ tiên Lý Bí là người Trung Hoa, cuối thời Tây Hán tránh sang ở đất phương Nam, được 7 đời thì thành người Nam. Bấy giờ Việt Nam nằm dưới sự đô hộ của nhà Lương. Thứ sử Giao Châu là Tiêu Tư rất hà khắc tàn bạo. Các nhân tài Việt Nam lúc đó bị bạc đãi nên không hợp tác với nhà Lương.
- Lý Bí thiên tư lỗi lạc, làm quan không được vừa ý nên cáo quan về quê, tập hợp nhân tài lo khởi nghĩa.
- Tinh Thiều giỏi từ chương cũng theo Lý Bí mưu việc dấy binh. Triệu Túc, tù trưởng ở Chu Diên, phục tài đức của Lý Bí, bèn dẫn đầu đem quân theo về.
- Thế lực của Lý Bí ngày càng lớn. Năm 542, thứ sử Tiêu Tư biết việc, đem của đến hối lộ cho ông để mưu thoát thân, rồi chạy về Quảng Châu. Lý Bí đem quân ra chiếm giữ thành Long Biên (Hà Nội).
- Năm 542, vua Lương sai Tôn Quýnh, Lư Tử Hùng sang xâm chiếm. Quân Lương đi đến Hợp Phố, Lý Bí chủ động đem quân đón đánh tại đây. Quân Lương thua to, tan rã phải chạy về.
- Năm 543, vua Lâm Ấp cướp quận Nhật Nam, Lý Bí sai lão tướng Phạm Tu đánh tan ở Cửu Đức.
- Đầu năm Giáp Tý 544, Lý Bí nhân thắng quân địch, tự xưng là Nam Việt Đế, đặt niên hiệu là Thiên Đức, đặt tên nước là Vạn Xuân, có ý mong xã tắc lâu dài đến muôn đời. Ông dựng điện Vạn Xuân để làm chỗ triều hội, xây Chùa Trấn Quốc.
- Tháng 6 năm 545, vua Lương Vũ Đế phong Dương Phiêu làm thứ sử Giao Châu, sai đi đánh Lý Nam đế. Dương Phiếu cử Bá Tiên làm tiên phong.
- Quân Lương đến Giao Châu, Lý Nam Đế mang quân ra đánh bị thua nặng, chạy sang thành Gia Ninh. Quân Lương tiến vây thành.
- Tháng giêng năm 546, thành Gia Ninh vỡ, tướng Phạm Tu và thái phó Triệu Túc cùng tử trận. Lý Nam Đế chạy đi Tân Xương là vùng của người Lạo. Tại đây, ông chiêu mộ thêm được nhiều binh lính, uy thế lại tăng lên.

Nước Vạn Xuân - Chùa Trấn Quốc

Nước Vạn Xuân - Triệu Việt Vương

- Sau một thời gian tập hợp và củng cố lực lượng, tháng 8 năm 546, Lý Nam Đế đem 2 vạn quân từ trong đất Lạo ra đóng ở hồ Điển Triệt (xã Tứ Yên, huyện Lập Thạch, tỉnh Phú Thọ), đóng nhiều thuyền đậu chật cả mặt hồ. Quân Lương sợ, cứ đóng lại ở cửa hồ không dám tiến vào. Đêm hôm ấy nước sông lên mạnh, dâng cao 7 thước, tràn đổ vào hồ. Trần Bá Tiên nhân đó đem quân theo dòng nước tiến trước vào. Quân Vạn Xuân không phòng bị, vì thế tan vỡ. Vợ Lý Nam Đế là hoàng hậu Hứa Trinh Hòa, bị tử trận do thuyền đắm.
- Lý Nam Đế phải lui giữ ở trong động Khuất Lạo, ông ủy cho con thái phó Triệu Túc là tả tướng Triệu Quang Phục giữ việc nước, điều quân đi đánh Bá Tiên.
- Năm 547, Triệu Quang Phục lui về giữ đầm Dạ Trạch (bãi Màn Trò, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên). Đầm này rộng, cỏ cây um tùm, bụi rậm che kín, ở giữa có nền đất cao có thể ở được, bốn mặt bùn lầy, người ngựa khó đi, chỉ có thể dùng thuyền độc mộc nhỏ chống sào đi lướt trên cỏ nước mới có thể vào được. Nếu không quen biết đường đi thì lạc không biết là đâu, lỡ rơi xuống nước liền bị rắn độc cắn chết. Triệu Quang Phục thuộc rõ đường đi lối lại, đem hơn 2 vạn người vào đóng ở nền đất trong đầm. Ông dùng chiến thuật du kích, ban ngày tuyệt không để khói lửa và dấu người, ban đêm dùng thuyền độc mộc đem quân ra đánh doanh trại của quân Bá Tiên cướp hết lương thực vũ khí, giết và bắt sống rất nhiều, lấy được lương thực để làm kế cầm cự lâu dài. Bá Tiên không đánh được. Người trong nước gọi ông là Dạ Trạch Vương. Bãi ấy gọi là "bãi Tự Nhiên", đầm ấy là "đầm Nhất Dạ", ngày nay vẫn còn tên gọi cũ.

Năm 548, Lý Nam Đế ở động Khuất Lạo lâu ngày bị nhiễm lam chướng, ốm qua đời. Ông ở ngôi được 5 năm (543-548), thọ 46 tuổi.

Triệu Quang Phục kế tục Lý Nam Đế, xưng là Triệu Việt Vương, đánh đuổi quân xâm lược nhà Lương, giữ nền độc lập cho nước Vạn Xuân.

Nước Vạn Xuân - Hậu Lý Nam Đế

- Năm 546, anh của Lý Nam Đế là Lý Thiên Bảo cùng với Lý Phật Tử đem 3 vạn người vào Cửu Chân. Sau đó Lý Thiên Bảo ở đất của người Di Lạo (Ai Lao), xưng là Đào Lang Vương, lập nước gọi là nước Dã Năng (năm 550).
- Năm 555, Đào Lang Vương mất ở động Dã Năng không có con nối dõi. Mọi người bèn suy tôn Lý Phật Tử lên nối ngôi, thống lĩnh quân chúng. Năm 557, Lý Phật Tử đem quân xuống miền Đông đánh nhau với quân của Triệu Việt Vương ở huyện Thái Bình. Sau năm lần giáp trận, Lý Phật Tử xin giảng hòa. Triệu Việt Vương nghĩ tình Lý Phật Tử là người trong họ của Lý Nam Đế, bèn chia địa giới ở bãi Quân Thần (nay là hai xã Thượng Cát, Hạ Cát ở huyện Từ Liêm, Hà Nội) cho ở phía tây của nước.
- Lý Phật Tử dời đến thành Ô Diên (nay là xã Hạ Mỗ, huyện Từ Liêm). Lý Phật Tử có con trai là Nhã Lang, xin lấy con gái của Triệu Việt Vương là Cảo Nương. Triệu Việt Vương bằng lòng, cho Nhã Lang ở gửi rể. Triệu Quang Phục quá tin vào sức mạnh quân sự của mình, mất cảnh giác nên đã bị suy yếu đáng kể. Nhã Lang ở rể, thực chất là để hoạt động gián điệp nên nội tình của Triệu Việt Vương đã bị Lý Phật Tử nắm rõ.
- Năm 571, Lý Phật Tử phụ lời thề, đem quân đánh. Triệu Việt Vương yếu thế không thể chống được, bèn đem con gái chạy về phía nam, tìm nơi đất hiểm để ẩn náu, nhưng đến đâu cũng bị quân của Lý Phật Tử đuổi theo sát gót. Triệu Việt Vương cưỡi ngựa chạy đến cửa biển Đại Nha, bị nước chắn, bèn nhảy xuống biển tự vẫn.
- Lý Phật Tử lên làm vua cả nước, đóng đô ở Phong Châu. Vì ông cũng xưng là Lý Nam Đế, nên đời sau gọi là Hậu Lý Nam Đế để phân biệt với Lý Bí.
- Năm 602, Tùy Văn Đế muốn đánh Vạn Xuân sai Lưu Phương thống lĩnh 27 doanh quân sang xâm chiếm. Nghe tin quân địch kéo sang, Hậu Lý Nam Đế sai con của người anh là Lý Đại Quyền giữ thành Long Biên, Lý Phổ Đỉnh giữ thành Ô Diên, còn tự Lý Phật Tử đóng ở Phong Châu.
- Quân Tùy đến núi Đô Long đánh tan quân Lý, rồi tiến quân sang đến cạnh dinh của Lý Phật Tử. Phật Tử sợ hãi xin đầu hàng, bị quân Tuỳ bắt đưa về nước Tùy rồi chết.

Mai Hắc Đế khởi nghĩa 713 - 723

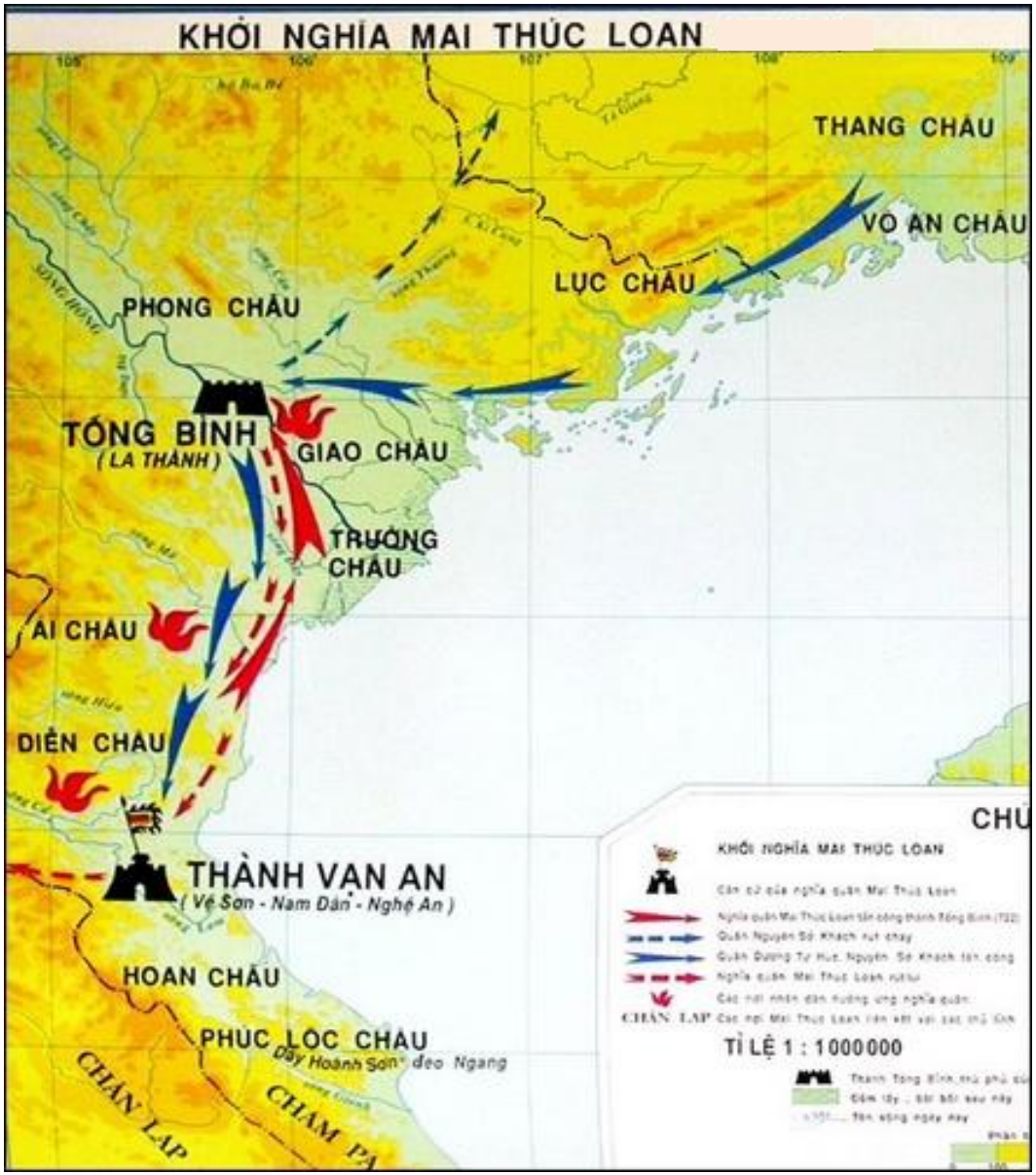

Mai Hắc Đế - Mai Thiếu Đế

- Sau khi quân Tùy bắt Lý Phật Tử, nước Vạn Xuân lại bị rơi vào ách đô hộ của nhà Tùy.
- Năm 618, triều đình Đường thay thế nhà Tùy. Từ năm 651 – 713 triều đình Đường có nhiều biến loạn với các cuộc tranh chấp đẫm máu (Võ Tắc Thiên)
- Mai Thúc Loan sinh vào khoảng cuối thế kỷ 7, tại thôn Ngọc Trừng, Hoan Châu. Mai Thúc Loan mồ côi cha mẹ, được bạn của bố là Đinh Thế nuôi, sau gả con gái là Ngọc Tô cho. Vợ chồng Mai Thúc Loan kết thân với nhiều hào kiệt, chuẩn bị và chọn thời cơ khởi nghĩa.
- Mai Thúc Loan lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở Hoan Châu năm 713. Cuộc nổi dậy của ông được hưởng ứng rộng rãi ở trong nước và có cả sự liên kết với Lâm Ấp và Chân Lạp. Mai Thúc Loan lên ngôi vua, lấy hiệu là Mai Hắc Đế cho xây thành lũy, lập kinh đô Vạn An, tích cực rèn tập tướng sĩ.
- Năm 714, Mai Hắc Đế tiến binh đánh thành Tống Bình (Hà Nội ngày nay). Thái thú nhà Đường là Quang Sở Khách cùng đám thuộc hạ không chống cự lại được, phải bỏ thành chạy về nước.
- Nhà Đường bèn huy động 10 vạn quân do tướng Dương Tư Húc và Quang Sở Khách sang đàn áp. Quân quan nhà Đường tiến theo đường bờ biển Đông Bắc và tấn công thành Tống Bình. Sau nhiều trận đánh khốc liệt, từ lưu vực sông Hồng đến lưu vực sông Lam, cuối cùng Mai Hắc Đế thất trận, thành Vạn An thất thủ, nghĩa quân tan vỡ. Không đương nổi đội quân xâm lược, Mai Hắc Đế phải rút vào rừng, sau bị ốm rồi mất.
- Con trai thứ ba của Mai Hắc Đế là Mai Thúc Huy lên ngôi Hoàng Đế tức Mai Thiếu Đế và tiếp tục chống trả các cuộc tấn công của nhà Đường tới năm 723.

Phùng Hưng - Bố Cái Đại Vương

- Phùng Hưng xuất thân từ dòng dõi cự tộc lâu đời ở đất Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội. Cha của Phùng Hưng là Phùng Hạp Khanh, một người hiền tài đức độ, đã tham gia cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan (Mai Hắc Đế). Sau đó, ông trở về quê chăm chú công việc điền viên, trở nên giàu có. Phùng Hạp Khanh có ba người con trai sinh ba. Anh cả là Phùng Hưng, em thứ hai là Phùng Hải (tự là Tư Hào) và em út là Phùng Dĩnh (tự là Danh Đạt). Trong ba anh em, anh cả Phùng Hưng là người có sức khỏe và khí phách đặc biệt. Đến năm ba anh em 18 tuổi thì bố mẹ đều mất. Phùng Hưng nối nghiệp cha trở thành hào trưởng đất Đường Lâm.
- Việt Nam thời thuộc Đường gọi là An Nam đô hộ phủ. Các quan đô hộ nhà Đường cai trị hà khắc ra sức vơ vét của cải của người dân Việt Nam, bắt người dân Việt phải đóng sưu cao thuế nặng. Năm 767, Cao Chính Bình được cử làm đô hộ An Nam, ra sức vơ vét của cải của dân Việt, đánh thuế rất nặng.
- Khoảng niên hiệu Đại Lịch (766-779), chưa rõ đích xác vào năm nào, nhân lòng căm phẫn của người dân, lợi dụng khi quân lính ở Tống Bình (Hà Nội) nổi loạn, Phùng Hưng đã phát động một cuộc khởi nghĩa lớn chống chính quyền đô hộ. Phùng Hưng phát động nhận được sự hưởng ứng rộng rãi của người dân từ khắp các miền đất Giao châu. Thoạt đầu, anh em họ Phùng nổi dậy làm chủ Đường Lâm rồi nghĩa quân tiến lên đánh chiếm được cả một miền rộng lớn quanh vùng thuộc Phong Châu, xây dựng thành căn cứ chống giặc. Phùng Hưng xưng là Đô Quân; Phùng Hải xưng là Đô Bảo và Phùng Dĩnh xưng là Đô Tổng, chia quân đi trấn giữ những nơi hiểm yếu. Cao Chính Bình đem quân đi đàn áp nhưng chưa phân thắng bại. Tình hình diễn ra như vậy hơn 20 năm.
- Cuộc chiến đấu sau đó diễn ra quyết liệt, quân Đường chết nhiều, Cao Chính Bình phải vào cố thủ trong thành, lo sợ cuối cùng bị ốm rồi chết năm 790.
- Phùng Hưng chiếm lĩnh thành trì và vào phủ Đô hộ, coi chính sự đất nước. Phùng Hưng cầm quyền cai trị không lâu sau đó đã qua đời khoảng tháng 5 năm 791. Con trai ông là Phùng An lên nối ngôi, tôn hiệu cha là Bố Cái Đại Vương. Phùng An nối nghiệp được hai năm thì đất nước lại rơi vào tay giặc.

Họ Khúc - Thời kỳ tự chủ

- Tự chủ là thời kỳ đầu khôi phục lại nền độc lập của Việt Nam đầu thế kỷ 10 sau hơn 1000 năm Bắc thuộc. Thời kỳ này người Việt đã tự cai trị lãnh thổ nhưng chưa xưng làm vua, và chưa đặt quốc hiệu.
- Họ Khúc là dòng họ nắm quyền cai trị Việt Nam đầu thế kỷ 10, mở đầu thời kỳ tự chủ của người Việt. Họ Khúc truyền nối làm chức Tiết độ sứ gồm 3 đời: Khúc Thừa Dụ, Khúc Hạo, Khúc Thừa Mỹ, cai trị từ năm 905 tới năm 923 hoặc 930.
- Năm 905, nhà Đường suy yếu. Ở Tĩnh Hải quân (tên gọi Việt Nam lúc đó) không có người cai quản.
- Khúc Thừa Dụ, khi đó là Hào trưởng Chu Diên, được dân chúng ủng hộ, đã tiến ra chiếm đóng phủ thành Đại La (Tống Bình cũ - Hà Nội), tự xưng là Tiết độ sứ.
- Sau khi đã nắm được quyền lực thực tế trên đất Tĩnh Hải quân, Khúc Thừa Dụ đã cho xây dựng chính quyền dựa trên danh xưng của chính quyền đô hộ nhà Đường, nhưng thực chất là một chính quyền độc lập và do người Việt quản lý. Ông khéo léo dùng danh nghĩa "xin mệnh nhà Đường" buộc triều đình nhà Đường phải công nhận chính quyền của ông. Sau đó, Khúc Thừa Dụ tự lấy quyền mình, phong cho con là Khúc Hạo chức vụ "Tĩnh Hải hành quân tư mã quyền tri lưu hậu", tức là chức vụ chỉ huy quân đội và sẽ kế vị quyền Tiết độ sứ.
- Năm 907, Khúc Thừa Dụ mất, Khúc Hạo lên kế vị và phong cho con là Khúc Thừa Mỹ làm "Tĩnh Hải hành quân tư mã quyền tri lưu hậu" để kế vị. Nhà Hậu Lương lên thay nhà Đường công nhận ông làm "An Nam đô hộ, sung Tiết độ sứ". Khúc Hạo là nhà cai trị ôn hoà nhưng rất vững vàng.
- Năm 917 Khúc Hạo mất. Khúc Thừa Mỹ lên thay cha làm Tiết độ sứ Tĩnh Hải quân. Khúc Thừa Mỹ không tiếp tục chính sách "khoan thứ sức dân" mà Khúc Hạo đã áp dụng. Nhân dân tại Tĩnh Hải quân phải lao dịch nặng nề, do đó sự ủng hộ với họ Khúc không còn được như trước. Về mặt đối ngoại, Khúc Thừa Mỹ chủ trương kết thân với nhà Hậu Lương ở trung nguyên mà gây hấn với nước Nam Hán liền kề.
- Khi nhà Hậu Lương mất, vua Nam Hán sai Lý Khắc Chính cầm quân sang đánh chiếm Tĩnh Hải quân. Do mất sự ủng hộ của nhân dân, Khúc Thừa Mỹ đơn độc và bị thua trận. Ông bị quân Nam Hán bắt đưa về Phiên Ngung.

Dương Đình Nghệ - Thời kỳ tự chủ

- Dương Đình Nghệ vốn là một hào trưởng, người làng Giàng, tỉnh Thanh Hóa. Dương Đình Nghệ từng là một trong những bộ tướng của Khúc Hạo và Khúc Thừa Mỹ.
- Năm 930 Nam Hán xua quân sang xâm lược nước Việt Nam ta (khi đó gọi là Tĩnh Hải quân), bắt Tiết độ sứ Khúc Thừa Mỹ (con Khúc Hạo), đánh chiếm Đại La, sai Lý Tiến làm thứ sử.
- Dương Đình Nghệ tập hợp hơn 3.000 "con nuôi" làm vây cánh tại lò võ ở làng Giàng (Ràng), Tư Phố, dùng Ngô Quyền, Đinh Công Trứ (thân sinh của Đinh Bộ Lĩnh), Kiều Công Tiễn... làm nha tướng.
- Để lung lạc ông, vua Hán là Lưu Cung sai người phong ông làm thứ sử Ái châu.
- Năm 931, Dương Đình Nghệ ra quân từ Ái châu, đánh đuổi thứ sử Lý Tiến của nước Nam Hán. Lý Tiến bỏ chạy, Dương Đình Nghệ giải phóng thành Đại La. Lưu Cung sai Trần Bảo mang quân sang tiếp viện. Dương Đình Nghệ chủ động mở cửa thành nghênh đón địch, tiêu diệt viện binh Nam Hán, chém chết Trần Bảo. Sau đó ông tự lập làm Tiết độ sứ.
- Năm 937, Kiều Công Tiễn, hào trưởng Phong Châu, một tướng dưới quyền Dương Đình Nghệ, giết hại Dương Đình Nghệ để cướp quyền, tự xưng là Tiết độ sứ.
- Ngô Quyền - con rể Dương Đình Nghệ - quyết tâm tiêu diệt Kiều Công Tiễn. Ngô Quyền đang trấn thủ Ái châu, tập hợp lực lượng ở đó và phát lời kêu gọi mọi người chống Kiều Công Tiễn. Các hào trưởng, hào kiệt nhiều nơi như Dương Tam Kha (con trai Dương Đình Nghệ), Đinh Công Trứ, Kiều Công Hãn (cháu nội Kiều Công Tiễn), Đỗ Cảnh Thạc... về theo. Công Tiễn bị cô lập, sợ hãi cầu cứu vua Nam Hán.
- Năm 938, Ngô Quyền mang quân ra Bắc. Đạo quân tiên phong do Dương Tam Kha và con trưởng Ngô Quyền là Ngô Xương Ngập chỉ huy. Đạo quân này nhanh chóng hạ thành Đại La, giết chết Kiều Công Tiễn rồi chuẩn bị quyết chiến với quân Nam Hán

Ngô Quyền- Trận Bạch Đằng (938)

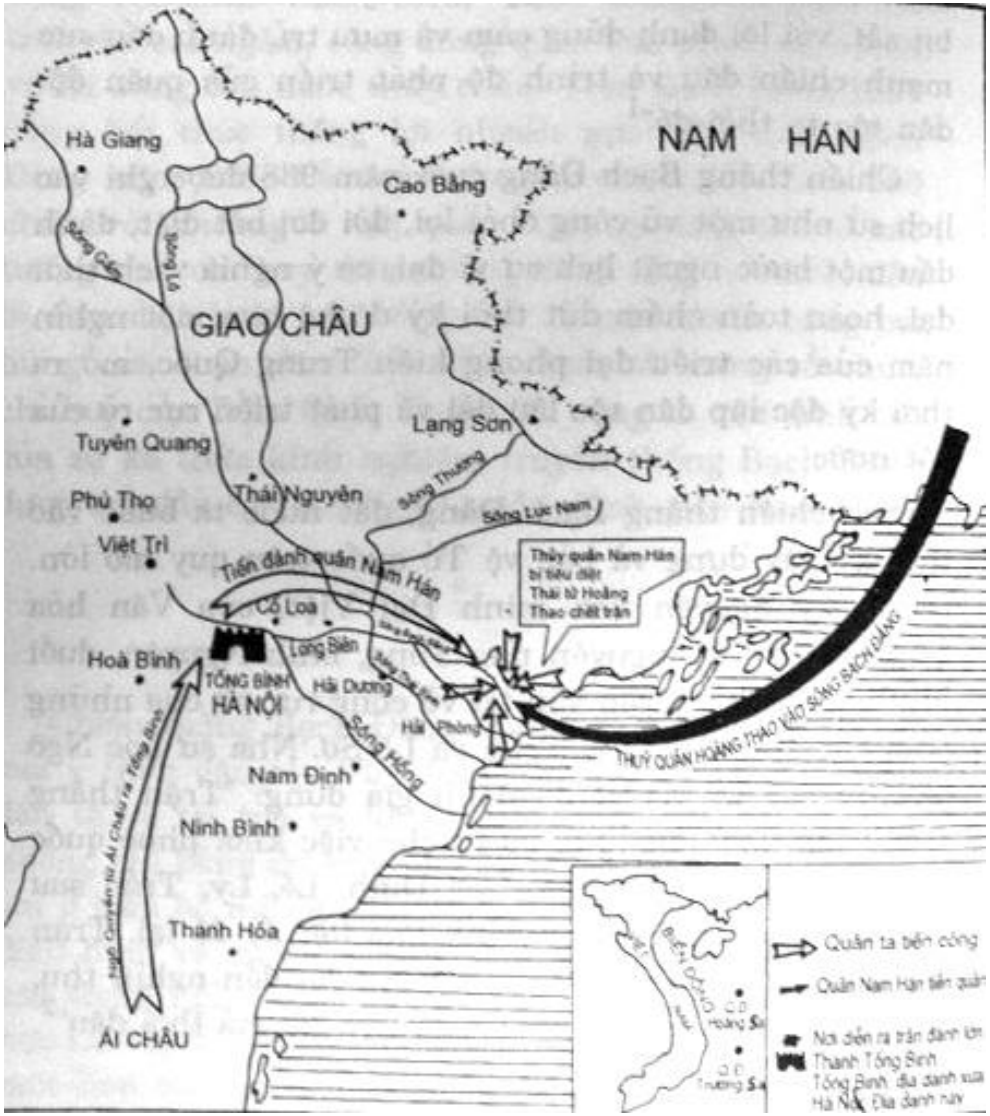

Ngô Quyền- Trận Bạch Đằng (938)

- Vua Nam Hán là Lưu Nghiễm nhân cơ hội Kiều Công Tiễn cầu cứu giúp đỡ bèn quyết định đánh Tĩnh Hải quân lần thứ hai. Lưu Nghiễm phong con trai thứ chín là Lưu Hoằng Tháo làm "Bình Hải tướng quân" và "Giao Chỉ vương", thống lĩnh thủy quân đem chiến thuyền theo sông Bạch Đằng mà vào. Lưu Nghiễm tự mình làm tướng, đóng ở Hải Môn để làm thanh viện.
- Trong khi vua Hán đang điều quân thì Ngô Quyền đã tiến ra thành Đại La, giết chết Kiều Công Tiễn. Lúc đó quân Nam Hán vẫn chưa tiến vào tới biên giới.
- Ngô Quyền cho quân sĩ đóng cọc có bịt sắt nhọn xuống lòng sông Bạch Đằng. Khi thuỷ triều lên, bãi cọc không bị lộ. Ngô Quyền dự định nhử quân địch vào khu vực này khi thủy triều lên và đợi nước triều rút xuống cho thuyền địch mắc cạn mới giao chiến.
- Cuối đông năm 938, trên sông Bạch Đằng, vùng cửa biển và hạ lưu, đoàn binh thuyền do Hoằng Tháo chỉ huy vừa vượt biển tiến vào cửa ngõ Bạch Đằng.
- Quân Ngô Quyền dùng thuyền nhẹ nhử cho quân Nam Hán tiến vào. Ngô Quyền ra lệnh cho quân bỏ chạy lên thượng lưu. Đợi đến khi thủy triều xuống, ông mới hạ lệnh cho quân sĩ đổ ra đánh. Thuyền chiến lớn của Nam Hán bị mắc cạn và lần lượt bị cọc đâm thủng gần hết. Lúc đó Ngô Quyền mới tung quân ra tấn công dữ dội. Quân Nam Hán thua chạy, còn Lưu Hoằng Tháo bỏ mạng cùng với quá nửa quân sĩ.
- Vua Nam Hán đang cầm quân tiếp ứng đóng ở biên giới mà không kịp trở tay đối phó. Nghe tin Hoằng Tháo tử trận, Lưu Nghiễm kinh hoàng, đành "thương khóc thu nhặt quân còn lại mà rút lui, Từ đó nhà Nam Hán bỏ hẳn mộng xâm lược Tĩnh Hải quân
- Năm 939, Ngô Quyền lên ngôi vua, xưng là Ngô Vương, lập ra nhà Ngô, đóng đô ở Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội ngày nay).

Nhà Ngô - Loạn 12 sứ quân

- Trận thắng lớn ở sông Bạch Đằng năm 938 có ý nghĩa quan trọng đối với Việt Nam vì nó đã giúp chấm dứt 1000 năm Bắc thuộc trong lịch sử Việt Nam, mở ra một thời kỳ độc lập tự chủ cho Việt Nam.
- Năm 939, Ngô Quyền xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa, lập ra nhà Ngô
- Năm 944, trước khi mất, Ngô Quyền nhờ Dương Tam Kha, em Dương hậu, vợ của Ngô Quyền, lập con trưởng Ngô Xương Ngập nối ngôi. Nhưng Dương Tam Kha cướp quyền, tự lập mình làm vua, xưng Dương Bình Vương.
- Ngô Xương Ngập chạy về Nam Sách (Hải Dương). Dương Tam Kha lấy Ngô Xương Văn, con thứ của Ngô Quyền, làm con nuôi. Dương Tam Kha ba lần sai quân đi bắt Ngô Xương Ngập mà không thực hiện được mệnh lệnh vì hào trưởng Nam Sách là Phạm Lệnh Công che chở cho Xương Ngập.
- Năm 950, Dương Tam Kha sai Ngô Xương Văn đi đánh Thái Bình. Ngô Xương Văn thuyết phục được 2 tướng Đỗ Cảnh Thạc và Dương Cát Lợi dẫn quân quay lại lật đổ Dương Tam Kha giành lại ngôi vua. Xương Văn không giết Dương Tam Kha, giáng làm Chương Dương công.
- Năm 950, Ngô Xương Văn tự xưng làm Nam Tấn Vương, đóng đô ở Cổ Loa. Ngô Xương Văn cho người đón anh trai Ngô Xương Ngập đang trốn ở Nam Sách trở về.
- Ngô Xương Ngập cũng làm vua, tự xưng là Thiên Sách Vương (951-954). Lúc đó cùng tồn tại hai vua Nam Tấn Vương và Thiên Sách Vương. Lên ngôi vương, Ngô Xương Ngập lấn át quyền hành của Ngô Xương Văn khiến Xương Văn bất bình rút lui việc chính sự.
- Năm 954, Ngô Xương Ngập bị bệnh chết, chỉ còn một vua Nam Tấn vương Ngô Xương Văn làm vua.
- Năm 965, Ngô Xương Văn đi đánh thôn Đường và Nguyễn ở Thái Bình bị phục binh bắn nỏ chết. Con của Ngô Xương Ngập là Ngô Xương Xí nối nghiệp, nhưng thế lực ngày càng yếu kém phải lui về giữ đất Bình Kiều trở thành một sứ quân.
- Từ năm 966 nước Việt có 12 sứ quân chiếm giữ các địa phương

Loạn 12 sứ quân

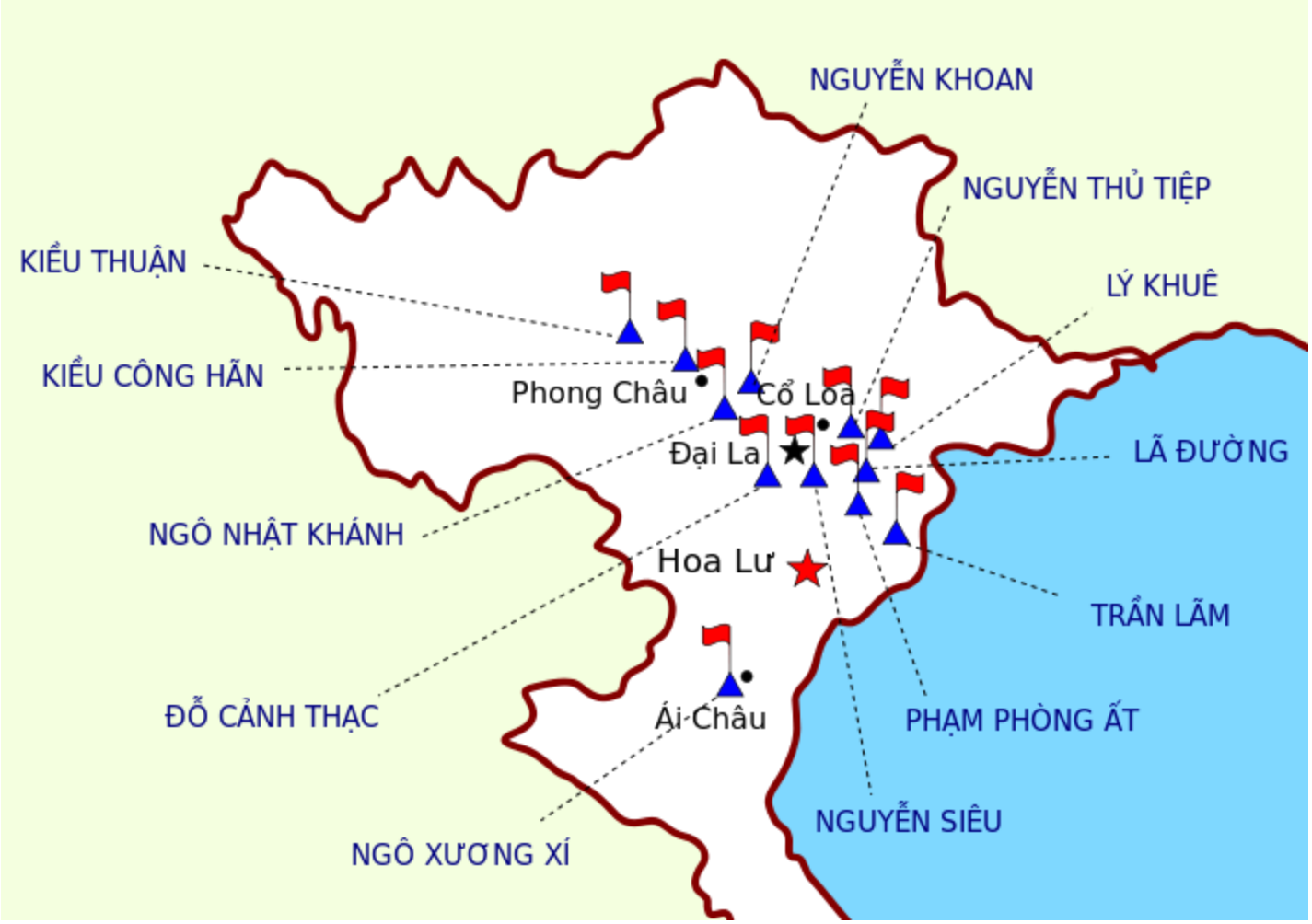

Sơ đồ chiếm đóng của12 sứ quân

Đinh Tiên Hoàng-Thống nhất giang sơn

- Cha của Đinh Bộ Lĩnh là Đinh Công Trứ, nha tướng của Dương Đình Nghệ, giữ chức thứ sử Hoan Châu. Đinh Công Trứ mất sớm, Đinh Bộ Lĩnh theo mẹ về quê ở, nương nhờ người chú ruột là Đinh Thúc Dự. Từ bé Đinh Bộ Lĩnh đã tỏ ra là người có khả năng chỉ huy, ông cùng các bạn chăn trâu lấy bông lau làm cờ bày trận đánh nhau. Và trong đám bạn đó, có Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Lưu Cơ và Trịnh Tú, những người sau này cùng Đinh Bộ Lĩnh tạo nên sự nghiệp.
- Thời 12 sứ quân Đinh Bộ Lĩnh cũng tập hợp dân chúng ở vùng Hoa Lư. Sau đó, ông cùng con trai là Đinh Liễn sang đầu quân trong đạo binh của sứ quân Trần Minh Công tức Trần Lãm ở Bố Hải Khẩu (Thái Bình). Đinh Bộ Lĩnh cưới Trần Nương và trở thành con rể của Trần Minh Công. Sau khi Trần Minh Công mất, Đinh Bộ Lĩnh thay quyền, đưa quân về Hoa Lư, chiêu mộ binh lính, chống nhà Ngô và các sứ quân khác. Chỉ trong vài năm, Đinh Bộ Lĩnh lần lượt đánh thắng 11 sứ quân khác, được xưng tụng là Vạn Thắng Vương.
- Chiến tranh kết thúc năm 968. Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế, tự xưng là Đại Thắng Minh Hoàng đế, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư.
- Đinh Tiên Hoàng cho xây cung điện, chế triều nghi, định phẩm hàm quan văn, quan võ, phong cho con là Đinh Liễn làm Nam Việt vương và lập 5 hoàng hậu.

Từ năm 970, Đinh Tiên Hoàng bắt đầu đặt hiệu năm là Thái Bình và cho đúc tiền đồng, là tiền tệ xưa nhất ở Việt Nam, gọi là tiền đồng Thái Bình. Nhà Đinh cũng là triều đại đầu tiên đặt nền móng cho nền tài chính - tiền tệ của Nhà nước phong kiến Việt Nam. Đồng tiền Thái Bình được đúc bằng đồng, hình tròn, lỗ vuông, có thể xâu thành chuỗi. Mặt phải có đúc bốn chữ "Thái Bình Hưng Bảo", mặt sau có chữ "Đinh". Hầu hết gần 70 triều vua sau đó, triều nào cũng cho đúc tiền của mình bằng đồng.

Đại Cồ Việt - Lê Đại Hành

- Đinh Tiên Hoàng có con trưởng là Đinh Liễn, nhưng ông lại lập con út Hạng Lang làm Thái tử. Vì vậy đầu năm 979, Đinh Liễn tức giận sai người giết Hạng Lang. Sau đó cả Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn đều bị giết. Đinh Tiên Hoàng làm vua được 12 năm, thọ 56 tuổi. Ông được táng ở sơn lăng Trường Yên.
- Đinh Toàn, con thứ hai của Đinh Tiên Hoàng lên ngôi khi mới 6 tuổi. Thập đạo tướng quân Lê Hoàn làm nhiếp chính. Đinh Điền và Nguyễn Bặc thấy quyền lực tập trung vào Lê Hoàn, lại nghi rằng Lê Hoàn tư thông với Thái hậu Dương Vân Nga, nên cử binh đến đánh nhưng bị Lê Hoàn dẹp tan. Phò mã nhà Đinh là Ngô Nhật Khánh bỏ trốn vào nam, cùng vua Chăm Pa với hơn nghìn chiến thuyền định đến đánh kinh đô Hoa Lư nhưng bị bão dìm chết.
- Năm 980, vua Tống nghe tin Đinh Tiên Hoàng mất, cử binh sang đánh Đại Cồ Việt. Thái hậu Dương Vân Nga cùng triều đình tôn Lê Hoàn lên làm vua, lập nên nhà Tiền Lê. Với hai trận lớn Bạch Đằng và Chi Lăng, Lê Hoàn đánh bại quân Tống năm 981.

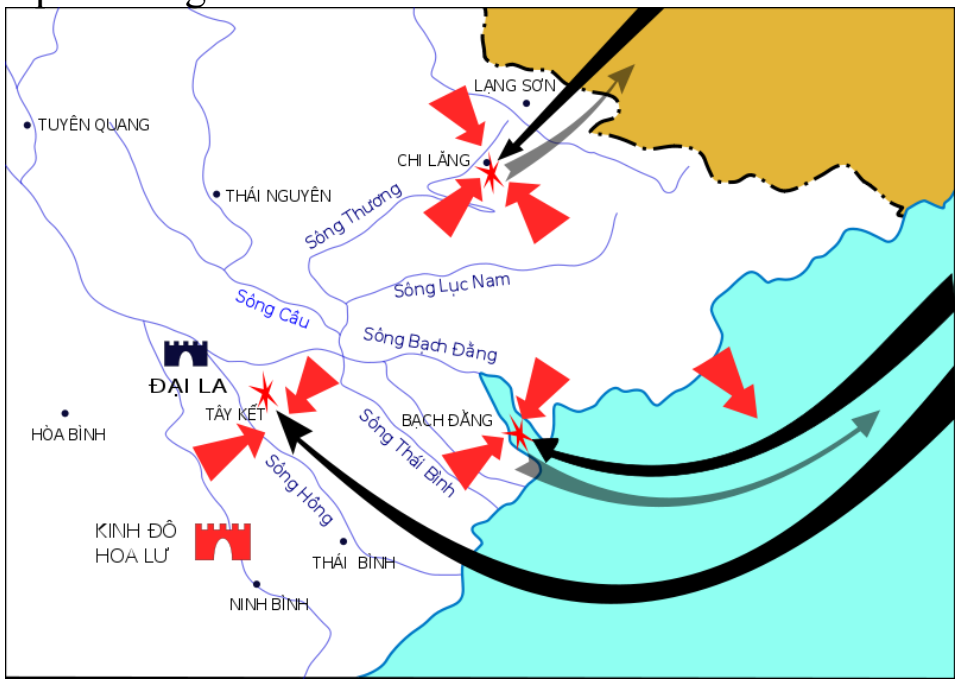

Nhà Tiền Lê - 980 -1009

- Năm 980, Lê Hoàn lên làm vua (Lê Đại Hành), lập nên nhà Tiền Lê. Vua Lê Đại Hành lên ngôi, quốc hiệu vẫn là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư.
- Năm 982, Vua Lê Đại Hành cử Ngô Tử Canh và Từ Mục đi sứ Chiêm Thành bị vua Chiêm bắt giữ. Vua Lê Đại Hành cầm quân đánh Chiêm, bắt sống quân sĩ, kỹ nữ, lấy các đồ quý đem về, thu được vàng bạc của báu, san phẳng thành trì. Trong vòng 26 năm trị vì, vua Lê Đại Hành đã tiến hành 6 hoạt động bình Chiêm, đích thân cầm quân đánh dẹp sự nổi dậy của các thế lực cát cứ và xâm lấn, bảo vệ vững chắc miền biên giới, và trực tiếp chuẩn bị cho quá trình Nam tiến của người Việt, mở rộng thêm cương giới lãnh thổ của quốc gia.
- Vua Lê Đại Hành có 11 người con trai đều được phong vương. Con trưởng là Lê Long Thâu mất (1000), vua Lê Đại Hành chưa lập người kế vị.
- Năm 1005, vua Lê Đại Hành mất, các hoàng tử tranh ngôi, đánh nhau 8 tháng, trong nước không có chủ. Tranh chấp chính xảy ra giữa thái tử Long Việt và hoàng tử thứ hai Ngân Tích. Tháng 10 năm 1005, Ngân Tích thua chạy đến châu Thạch Hà (Hà Tĩnh) thì bị người bản địa giết chết. Lê Long Việt lên ngôi làm vua, tức là vua Lê Trung Tông. Trong nước vẫn chưa yên ổn hẳn.
- Được 3 ngày, Lê Trung Tông bị em cùng mẹ là Lê Long Đĩnh sai người lẻn vào cung hãm hại, thọ 22 tuổi. Lê Long Đĩnh lên ngôi xưng là Đại Thắng Minh Quang Hiếu Hoàng đế, truy đặt tên thuỵ vua Lê Long Việt là Trung Tông hoàng đế; truy tôn mẹ là Hưng Quốc Quảng Thánh Hoàng Thái Hậu; lập bốn hoàng hậu. Ông sửa đổi quan chế và triều phục của các quan văn võ và tăng đạo, theo như nhà Tống.
- Lê Long Đĩnh cầm quyền trong 4 năm và đã 5 lần cầm quân đánh dẹp bạo loạn. Trận chiến cuối cùng mà Lê Long Đĩnh tham dự trước khi ông chết là 2 tháng. Lê Long Đĩnh giết anh giành ngôi nên không được lòng dân chúng, vì thế có những ý kiến khác nhau về tên gọi và cái chết của ông. Sử gia Ngô Thì Sĩ cho rằng Lý Công Uẩn giết Lê Long Đĩnh nhân lúc vua bệnh tật và đặt tên gọi "Lê Ngoạ Triều" để bôi nhọ.

Nhà Lý (1009 – 1225)

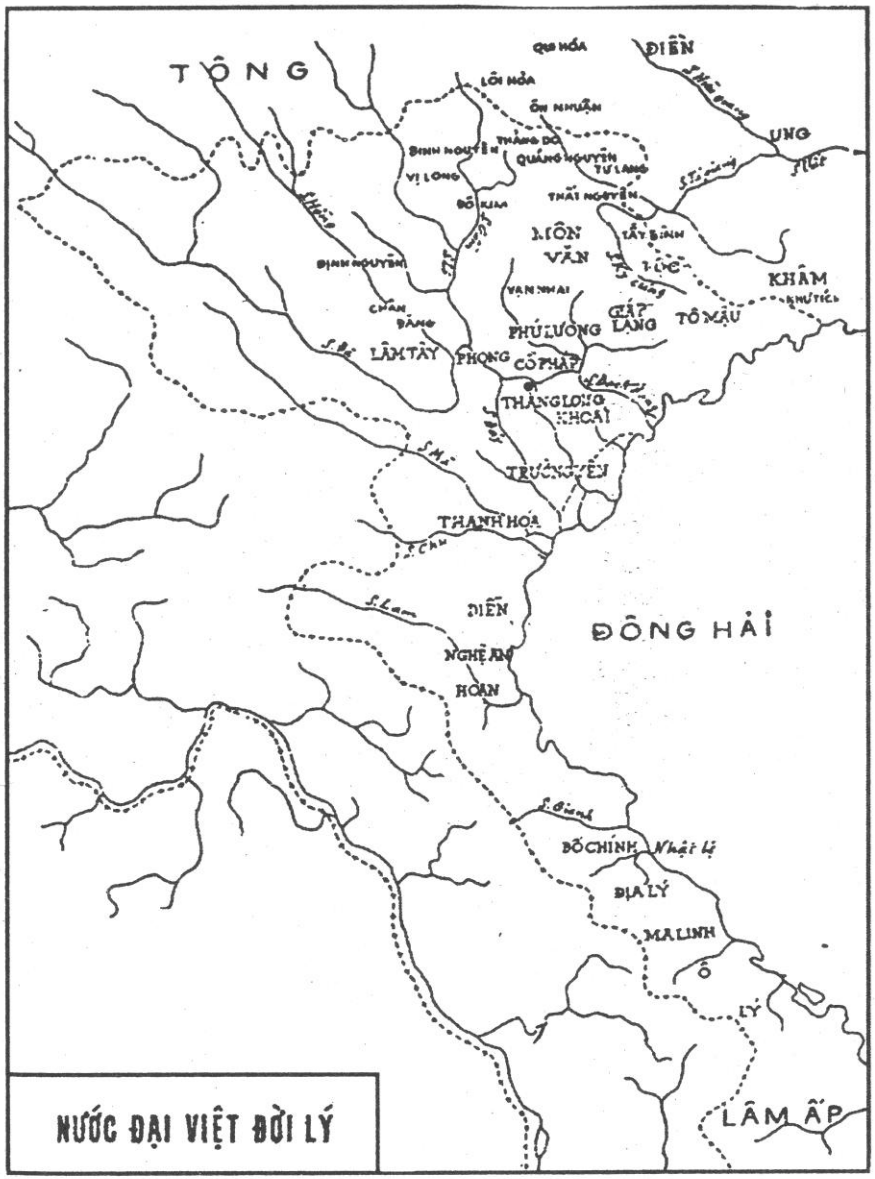

16. NƯỚC ĐẠI VIỆT ĐỜI LÝ (ĐDA)

Lý Thái Tổ - Lý Công Uẩn (974 – 1028)

- Năm 1009 vua Lê Long Đĩnh mất, các con còn nhỏ, quan Điện tiền chỉ huy sứ là Lý Công Uẩn được sự ủng hộ của Chi nội là Đào Cam Mộc cùng thiền sư Vạn Hạnh đã lên ngôi hoàng đế lập ra nhà Lý.
- Lý Công Uẩn sinh năm 974, lớn lên thời vua Lê Đại Hành, và theo giúp hoàng tử Lê Long Việt. Vua Lê Đại Hành lại gả công chúa cả cho Lý Công Uẩn sinh ra Lý Phật Mã và đặc phong cho Lý Công Uẩn làm Điện tiền cận vệ ở thành Hoa Lư. Năm 1005, vua Lê Đại Hành mất, các con tranh giành ngôi vua. Năm 1006, hoàng tử Lê Long Việt giành được ngôi báu, trở thành vua Lê Trung Tông. Nhưng 3 ngày sau, vua Lê Trung Tông bị em là Lê Long Đĩnh giết hại giành ngôi. Lúc đó các quan đều sợ hãi bỏ chạy, chỉ có Lý Công Uẩn đến ôm xác vua Lê Trung Tông khóc. Lê Long Đĩnh không những không trị tội mà khen Lý Công Uẩn là người trung nghĩa, tiếp tục trọng dụng ông và cho làm Tứ sương quân phó chỉ huy sứ, rồi sau đó thăng đến chức Tả thân vệ Điện tiền chỉ huy sứ. Chức "Điện tiền chỉ huy sứ" chỉ dành cho hoàng tộc hoặc quốc thích. Chính nhờ vậy, khi Lý Công Uẩn lên ngôi không có một cuộc nổi dậy nào của những người trung thành với nhà Tiền Lê cả.

Năm 1009 Lý Công Uẩn lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu là Lý Thái Tổ, đặt niên hiệu là Thuận Thiên. Ông lập con trưởng là Lý Phật Mã làm Thái tử. Các con trai khác của ông cũng được phong vương.
Năm 1010 vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Đại La (Hà Nội). Khi ra đến Đại La, vua Lý Thái Tổ lấy cớ nằm mơ trông thấy rồng vàng bay lên trời nên đổi tên Đại La thành Thăng Long.
Vua Lý Thái Tổ rất sùng đạo Phật, nên những người đi tu, lấy tiền kho ra để xây chùa, đúc chuông được nhà vua trọng đãi.

Đền Bạch Mã

Lý Thái Tông - Lý Phật Mã (1000 – 1054)

- Năm 1028, vua Lý Thái Tổ mất, chưa tế táng xong, thì các hoàng tử là Vũ Đức Vương, Dực Thánh Vương và Đông Chinh Vương đem quân đến vây thành Thăng Long để tranh ngôi của Thái tử Lý Phật Mã. Tướng quân Lê Phụng Hiểu quân ra thành đối trận, chém Vũ Đức Vương. Quân các vương trông thấy sợ hãi bỏ chạy cả. Dực Thánh Vương và Đông Chinh Vương cũng phải chạy trốn.
- Dẹp xong loạn Tam vương, Thái tử Lý Phật Mã lên ngôi, tức là vua Lý Thái Tông. Vua Lý Thái Tông là người có thiên tư đĩnh ngộ, thông lục nghệ, tinh thao lược, gặp lúc trong nước có nhiều giặc giã, nhưng ông đã quen việc dùng binh, cho nên ông thường thân chinh đi đánh đông dẹp bắc.
- Thời bấy giờ nhà vua không đặt quan tiết trấn. Vua giao cho người châu mục coi việc ở các châu . Còn ở mạn thượng du thì có người tù trưởng quản lĩnh. Vì quyền những châu mục và tù trưởng rất lớn, nên thường hay có sự phản nghịch. Những nước lân bang như Chiêm Thành và Ai Lao (Lào) cũng thường hay sang quấy nhiễu. Bởi vậy vua Lý Thái Tông phải đánh dẹp loạn rất nhiều.

Tuy nhiên, vua Lý Thái Tông không bỏ bê việc chính trị trong nước. Hễ năm nào đói kém hoặc đi đánh giặc về, vua lại giảm thuế cho dân trong hai ba năm.
Vua Lý Thái Tông sửa lại luật pháp, định các bậc hình phạt, các cách tra hỏi, và đặt lệ cho những người già người trẻ, trừ khi phạm tội thập ác, thì được lấy tiền mà chuộc tội. Năm 1042, vua Lý Thái Tông ra Bộ Luật Hình thư là bộ luật đầu tiên trong lịch sử Việt Nam. Nhà vua đồng thời cho đúc tiền Minh Đạo.
Năm 1043, vua Lý Thái Tông hạ chiếu cấm không cho ai được mua trẻ em trai để làm nô lệ. Đầu năm, vua thân hành ra cày ruộng tịch điền để cho mọi người noi theo.

Năm 1049, vua Lý Thái Tông cho dựng chùa Diên Hựu, tức chùa Một Cột.

Đại Việt - Lý Thánh Tông

- Lý Nhật Tôn là con trưởng của vua Lý Thái Tông, sinh năm 1023. Năm 1028, vua Lý Thái Tông lập Lý Nhật Tôn làm Hoàng thái tử. Thái tử Lý Nhật Tôn tinh thông kinh truyện, rành âm luật, lại giỏi võ nghệ. Cũng giống như vua cha, thái tử Lý Nhật Tôn sớm được tiếp xúc với dân chúng nên hiểu được nỗi khổ của dân và thông thạo nhiều việc.
- Năm 1054, thấy mình già yếu, vua Lý Thái Tông cho phép thái tử Lý Nhật Tôn ra coi chầu nghe chính sự. Hai tháng sau, vua cha băng hà, thái tử Lý Nhật Tôn lên nối ngôi, tức là vua Lý Thánh Tông.
- Ngay sau khi lên ngôi, vua Lý Thánh Tông đổi quốc hiệu là Đại Việt. Lý Thánh Tông là một vị vua nhân từ nên trăm họ mến phục, trong thời ông cai trị ít có giặc giã. Là người sùng đạo Phật, vua Lý Thánh Tông đã xây cất nhiều chùa tháp, đúc chuông đồng lớn. Tuy vậy, vua cũng rất chú trọng Nho giáo. Năm 1070, vua cho làm Văn Miếu, mở mang Nho học.

Văn Miếu - Quốc Tử Giám

Lý Thánh Tông - Phá Tống bình Chiêm

- Năm 1059, vua Lý Thánh Tông mang quân vào Khâm châu nước Tống diễu võ dương oai khiến quân Tống phải nể sợ. Năm 1060, vua lại sai tướng trấn thủ Lạng châu là Thân Thiệu Thái đánh quân Tống xâm lấn ở biên giới, bắt được tướng nhà Tống là chỉ huy sứ Dương Bảo Tài. Quân Tống mấy lần phản công nhưng thất bại. Nhà Tống phái Thị lang bộ Lại là Dư Tĩnh sang điều đình. Phía Đại Việt, vua Lý Thánh Tông cử Phí Gia Hậu đi hoà đàm, đối đãi với sứ Tống rất hậu nhưng cương quyết không trả tù binh Dương Bảo Tài.
- Nước Chiêm Thành phía Nam hay sang quấy nhiễu, năm 1069 vua Lý Thánh Tông thân chinh đi đánh. Đánh lần đầu không thành công, vua bèn đem quân trở về. Đi nửa đường đến châu Cư Liên, vua nghe thấy dân khen bà Nguyên phi Ỷ Lan ở nhà giám quốc, trong nước được yên trị. Vua Lý Thánh Tông nghĩ bụng: "Người đàn bà trị nước còn được như thế, mà mình đi đánh Chiêm Thành không thành công, thế ra đàn ông hèn lắm sao?" Ông bèn đem quân trở lại đánh và bắt được vua Chiêm Thành là Chế Củ (Rudravarman III).
- Chế Củ xin dâng ba châu là Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính để chuộc tội. Vua Lý Thánh Tông lấy đất 3 châu và cho Chế Củ về nước. Ba châu ấy nay ở địa hạt các huyện Quảng Ninh, Quảng Trạch, Bố Trạch, Tuyên Hoá, Lệ Thuỷ tỉnh Quảng Bình và huyện Bến Hải tỉnh Quảng Trị.

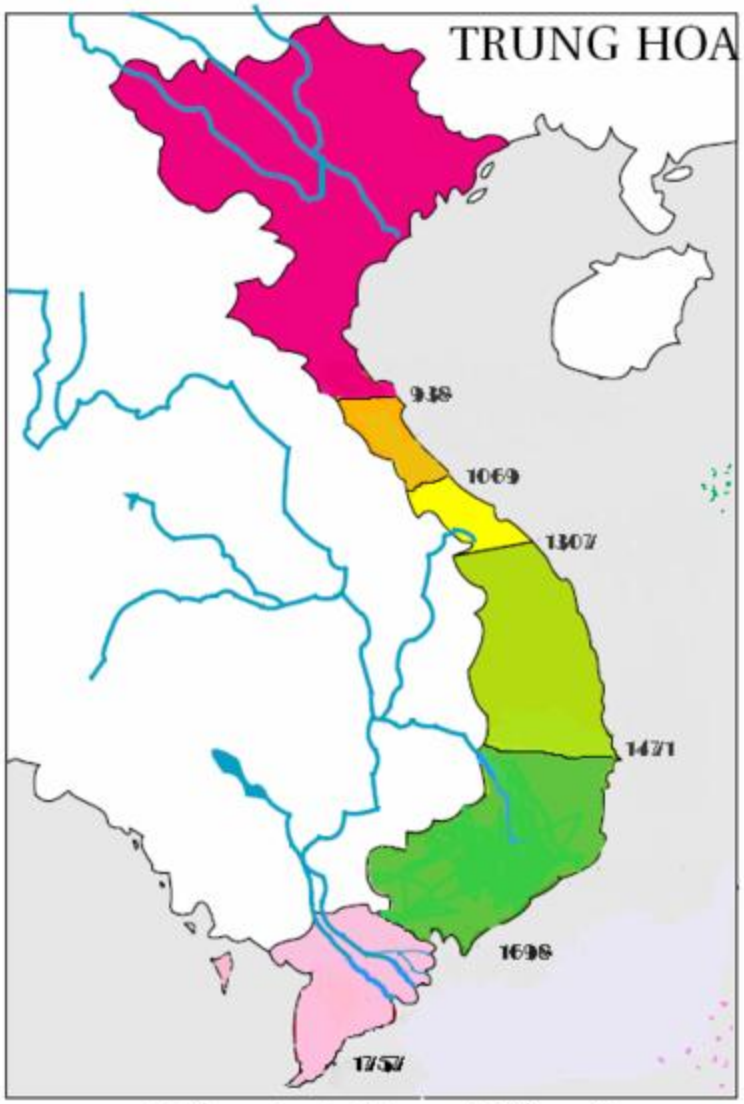

Tiến trình Nam Tiến của dân tộc Việt

Lý Nhân Tông - Phạt Tống

- Từ năm 1070, nhà Tống ở phương bắc đã có mưu đồ xâm lăng nước Đại Việt và chuẩn bị chiến tranh.
- Năm 1072, vua Lý Thánh Tông mất, Thái tử Lý Càn Đức mới 7 tuổi lên nối ngôi, tức là vua Lý Nhân Tông. Vua Lý Nhân Tông còn nhỏ, nên Thái phi Ỷ Lan làm nhiếp chính. Được sự phò tá của Thái sư Lý Đạo Thành và Phụ quốc thái úy Lý Thường Kiệt, nước Đại Việt trở nên hùng mạnh.
- Năm 1073, Lý Thường Kiệt đã tập trung nhiều quân ở biên giới chủ trương thực hiện một chiến lược đánh đòn phủ đầu để ngăn chặn quân Tống. Năm 1074, Vua Tống ra lệnh cố thủ Ung Châu, không được khinh địch. Lý Thường Kiệt tính rằng quân Tống muốn vào Đại Việt phải qua Ung Châu theo đường bộ và qua các cửa biển Khâm Châu và Liêm Châu theo đường thủy nên Lý Thường Kiệt quyết tâm phá trước các cứ điểm này của người Tống.
- Đại Việt đã huy động 10 vạn quân sang đánh phá các căn cứ Khâm Châu, Liêm Châu và Ung Châu của Tống, tiêu diệt khoảng 7-10 vạn quân và dân nhà Tống, và bắt được hàng ngàn người đem về Đại Việt cùng nhiều của cải. Sau khi hoàn thành mục tiêu phá hủy các căn cứ hậu cần của đối phương, quan quân nhà Lý rút về nước.
- Sau khi thành Ung Châu bị triệt phá, năm 1076, vua Tống ra chiếu đánh Đại Việt

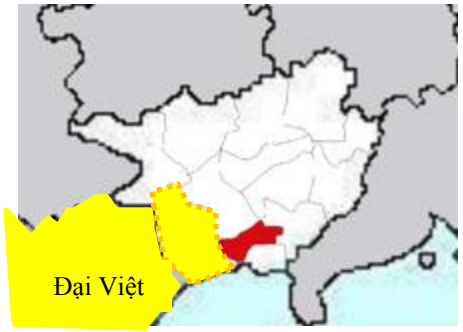

Vị trí Khâm Châu tại Quảng Tây

Vị trí Liêm Châu (Hợp Phố) tại Quảng Tây

Vị trí Ung Châu tại Quảng Tây